



Implemented by

giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

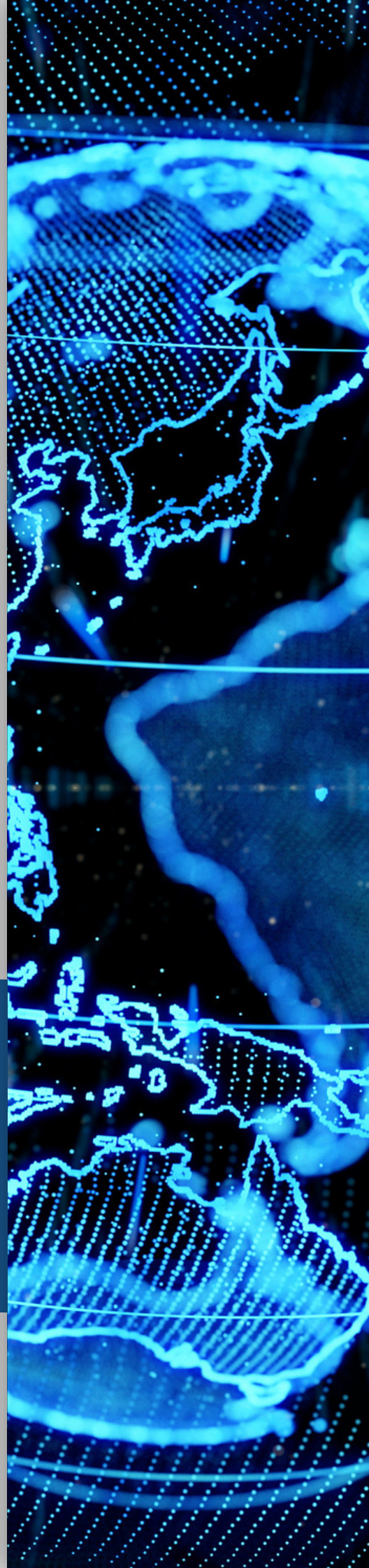


TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
DIRECTORATE OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

RÀ SOÁT HÀNH LANG PHÁP LÝ GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VIỆT NAM

Hà Nội, tháng 11 năm 2021



Thông tin chung

Tài liệu này được xây với sự hỗ trợ của Chương trình Hợp tác Việt-Đức “Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam”. Chương trình được tài trợ bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ), đồng thực hiện bởi Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) cùng với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Việt Nam. Mục tiêu của chương trình là nâng cao chất lượng của Giáo dục nghề nghiệp để thích ứng với thế giới việc làm không ngừng thay đổi, ngày càng trở nên xanh và được số hóa hơn.

Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam

Số 1, ngõ 17 Tạ Quang Bửu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

T: +84 24 397 46 571

E: office.tvet@giz.de

W: www.tvet-vietnam.org/ www.giz.de

Đơn vị điều phối: **Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam**

ThS. Phạm Xuân Hoàn

Bà Nguyễn Nguyệt Linh

Đơn vị phối hợp: **Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
11 Trường Cao đẳng đối tác của GIZ**

Tổ biên soạn: **Nhóm tư vấn của GIZ**
GS. TS. Hồ Tú Bảo
TS. Nguyễn Nhật Quang
ThS. Bùi Thu Trang

Tổ chức Hợp tác Quốc tế, Đức GIZ
Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp
Việt Nam

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
RÀ SOÁT HÀNH LANG PHÁP LÝ GẮN VỚI
CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC
NGHỀ NGHIỆP VIỆT NAM

Phiên bản đầu tiên

Hà Nội, tháng 11 năm 2021

Tài liệu Báo cáo hoạt động Rà soát Hành lang pháp lý gắn với Chuyển đổi số trong Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam được chính thức xây dựng bởi Nhóm tư vấn và các đối tác hợp tác của Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam.

Tài liệu có thể được sao chép hoặc tải xuống trên www.tvet-vietnam.org miễn phí dành cho mục đích giảng dạy, học tập và nghiên cứu, không gắn với lợi ích thương mại.

Đối với bất kỳ mục đích sử dụng và sao chép nào khác, xin liên hệ Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam để biết thêm thông tin và xin phép.

Địa chỉ: số 1, Ngõ 17, Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 (0) 24 39 74 64 71

Website: www.tvet-vietnam.org

www.giz.de/vietnam

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT	6
PHỤ LỤC HÌNH ẢNH	7
TÓM TẮT BÁO CÁO	8
1. GIỚI THIỆU CHUNG	10
1.1. Chương trình “Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam”	10
1.2. Phân tích bối cảnh hoạt động.....	10
1.2.1. Chuyển đổi số trong GDNN tại Việt Nam.....	10
1.2.2. Hành lang pháp lý gắn với CDS trong GDNN tại Việt Nam	12
1.3. Lý do triển khai hoạt động.....	12
1.4. Mục tiêu hoạt động.....	13
1.5. Câu hỏi nghiên cứu	13
1.6. Phương pháp nghiên cứu	14
1.6.1. Khảo sát tài liệu	14
1.6.2. Phỏng vấn sâu.....	14
1.6.3. Thảo luận nhóm	15
1.6.4. Khảo sát online.....	15
1.6.5. Hội thảo	16
1.7. Tóm tắt hoạt động	16
2. THỰC TRẠNG HÀNH LANG PHÁP LÝ CDS TRONG GDNN.....	18
2.1. Nội dung giáo dục và đào tạo.....	20
2.2. Phương pháp dạy và học.....	22
2.3. Người dạy và người học	23
2.4. Hạ tầng, nền tảng và học liệu số	24
2.5. Quản trị và quản lý giáo dục.....	25
3. KHUYẾN NGHỊ.....	27
3.1. Nội dung giáo dục và đào tạo.....	27
3.2. Phương pháp dạy và học.....	28
3.3. Người dạy và người học	29
3.4. Hạ tầng, nền tảng và học liệu số	29
3.5. Quản trị và quản lý giáo dục.....	29
3.6. Kiến nghị triển khai.....	30
4. KẾT LUẬN CHUNG	31

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO	32
PHỤ LỤC	34
Phụ lục 1: Thiết kế nghiên cứu	34
Phụ lục 2: Kết quả phỏng vấn sâu cấp Trung ương.....	37
Phụ lục 3: Kết quả thảo luận nhóm cấp địa phương.....	47
Phụ lục 4: Kết quả khảo sát online.....	70
Phụ lục 5: Danh mục văn bản pháp luật.....	90

TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Giải nghĩa
1.	CĐ	Cao đẳng
2.	CĐR	Chuẩn đầu ra
3.	CĐS	Chuyển đổi số
4.	CMCN	Cách mạng công nghiệp
5.	CNTT	Công nghệ thông tin
6.	CV	Công văn
7.	DN	Doanh nghiệp
8.	GDNN/TVET	Giáo dục nghề nghiệp
9.	GDTX	Giáo dục thường xuyên
10.	GIZ	Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức
11.	GV	Giáo viên
12.	LĐTBXH	Lao động, Thương binh và Xã hội
13.	NĐ	Nghị định
14.	SV	Sinh viên
15.	TT	Thông tư

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Hệ sinh thái CDS giáo dục và đào tạo (Hồ Tú Bảo & Nguyễn Nhật Quang, 2021)	11
Hình 2: Sơ đồ hành lang pháp lý gắn với 5 hợp phần của GDNN	12
Hình 3: Hệ thống văn bản pháp lý gắn với 5 hợp phần của GDNN	20
Hình 4: Văn bản pháp lý về Nội dung giáo dục và đào tạo	21
Hình 5: Văn bản pháp lý về Phương pháp dạy và học.....	23
Hình 6: Văn bản pháp lý về Người dạy và người học	24
Hình 7: Văn bản pháp lý về Hạ tầng, nền tảng, học liệu số	25
Hình 8: Văn bản pháp lý về Quản trị và quản lý giáo dục	26

TÓM TẮT BÁO CÁO

Chuyển đổi số quốc gia nói chung và chuyển đổi số hoạt động giáo dục nghề nghiệp nói riêng là xu thế đã được khẳng định. Để triển khai “chương trình chuyển đổi số quốc gia” ban hành theo Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã soạn thảo Đề án Chuyển đổi số của ngành (ở đây sẽ gọi tắt là Đề án). Ở thời điểm viết báo cáo này, Đề án đã được gửi xin ý kiến của các bộ, ngành và đang trong quá trình tiếp thu, hoàn thiện đề trình Chính phủ ký ban hành và dự kiến sẽ triển khai các hoạt động ngay từ đầu năm 2022.

Một trong các hợp phần quan trọng của Đề án là sửa đổi hành lang pháp lý của hoạt động giáo dục nghề nghiệp đồng bộ với việc triển khai các hợp phần khác của hệ sinh thái chuyển đổi số GDNN. Đây là một hoạt động phức tạp và đòi hỏi sự tham gia của toàn bộ hệ thống GDNN từ cấp Tổng cục, các sở LĐTĐ, các cơ sở GDNN trong cả nước. Để chuẩn bị cho hoạt động quan trọng và phức tạp này, Tổng cục GDNN với sự hỗ trợ của GIZ đã tổ chức nghiên cứu “Rà soát hành lang pháp lý GDNN phục vụ chuyển đổi số” trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2021.

Báo cáo trình bày các kết quả nghiên cứu được tiến hành tại các cơ sở GDNN - trong đó có 11 trường cao đẳng nghề được Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) hỗ trợ - tại 10 tỉnh/thành phố ở Việt Nam cũng như các cuộc thảo luận với lãnh đạo Tổng cục GDNN, lãnh đạo các cơ quan trực thuộc Tổng cục và thảo luận với các chuyên gia, đại diện đến từ doanh nghiệp. Việc rà soát toàn bộ hành lang pháp lý GDNN là một hoạt động phức tạp và rất khó để chỉ ra tất cả các vấn đề, đặc biệt là các vấn đề sẽ xuất hiện trong tương lai. Dù vậy, nhóm nghiên cứu đã rất nỗ lực, với sự hỗ trợ hiệu quả của tất cả các bên liên quan cố gắng chỉ ra các vấn đề lớn nhất trong mỗi hợp phần của CĐS GDNN cũng nhưng đề xuất hướng khắc phục. Các đề xuất sửa đổi này liên quan đến các văn bản do Tổng cục GDNN ban hành, các vấn đề cần kiến nghị với Bộ LĐTĐ, các bộ ngành khác trong Chính phủ để sửa đổi và cả những khuyến nghị cho các trường sửa đổi các quy định, chế độ nội bộ của mình nhằm chuẩn bị sẵn sàng tiến hành chuyển đổi số hoạt động của mình trong các năm tới. Hy vọng Báo cáo sẽ cung cấp các thông tin hữu ích cho Tổng cục GDNN và các bên liên quan trong hoạt động sửa đổi hành lang pháp lý nói riêng và chuyển đổi số GDNN nói chung.

Nhân dịp này nhóm nghiên cứu xin cảm ơn sự phối hợp, hỗ trợ của Tổng cục GDNN, GIZ, các địa phương, các cơ sở GDNN và các doanh nghiệp đã tham gia nghiên cứu này.

1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Chương trình “Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam”

Chương trình “Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam” (Chương trình TVET) được ủy quyền bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển CHLB Đức (BMZ) và thực hiện bởi Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ), phối hợp với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (GDNN), thuộc Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội (Bộ LĐTBXH). Mục tiêu của chương trình là nâng cao chất lượng của GDNN để thích ứng với thế giới việc làm không ngừng thay đổi, ngày càng trở nên xanh và được số hóa hơn. Các mục tiêu chi tiết gồm:

- Mục tiêu 1: Các cơ quan nhà nước có liên quan, đội ngũ nhân sự GDNN, các cơ sở GDNN và doanh nghiệp được kết nối với nhau nhờ các công nghệ số.
- Mục tiêu 2: Chính sách về GDNN được điều chỉnh phù hợp với các yêu cầu của thế giới công việc đang thay đổi.
- Mục tiêu 3: Mô hình trường cao đẳng chất lượng cao được triển khai thành công ở các cơ sở GDNN được lựa chọn.

1.2. Phân tích bối cảnh hoạt động

1.2.1. Chuyển đổi số trong GDNN tại Việt Nam

Chuyển đổi số là một xu hướng tất yếu, có tác động toàn diện và mang lại các mô hình kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ mới cho bất kỳ tổ chức nào. Chính phủ Việt Nam đã ban hành các văn bản hướng dẫn việc thực hiện CDS. Trong số các văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020, Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ là rất quan trọng. Trong GDNN, CDS tiềm năng tạo ra những phương thức mới trong quản lý, điều hành cũng như hoạt động dạy và học. Ngoài ra, do sự thay đổi của thị trường lao động, tăng quyền tự chủ và tính cạnh tranh trong giáo dục, cũng tác động như đại dịch COVID-19, các cơ sở GDNN đứng trước đòi hỏi cần thúc đẩy hoạt động CDS nhằm phát triển một hệ thống đào tạo thích ứng, linh hoạt, cởi mở và nhanh nhạy hơn để nhanh chóng đối phó với các yếu tố bên ngoài.

Chuyển đổi số được coi là một trong hai giải pháp mang tính chất đột phá trong dự thảo Chiến lược phát triển Giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong năm 2021, Tổng cục GDNN đã hoàn thành dự thảo đề án CDS GDNN, xin ý kiến nhận xét, góp ý của các bộ ngành và dự kiến sẽ trình Chính phủ

ban hành vào cuối năm 2021. Đề án được xây dựng dựa trên một hệ sinh thái CDS trong GDNN bao gồm sáu hợp phần:

- Nội dung giáo dục và đào tạo
- Phương pháp dạy và học
- Người dạy và người học
- Hạ tầng, nền tảng và học liệu số
- Quản trị và quản lý giáo dục
- Thể chế và hành lang pháp lý

Hệ sinh thái góp phần xây dựng cách tiếp cận tổng thể và nhất quán đối với CDS trong toàn ngành GDNN, là cơ sở hợp tác của các bên liên quan như Tổng cục GDNN, các sở LĐTĐ, các cơ sở GDNN, tổ chức/doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, GIZ và đối tác phát triển quốc tế trong và ngoài nước.



Hình 1: Hệ sinh thái CDS giáo dục và đào tạo (Hồ Tú Bảo & Nguyễn Nhật Quang, 2021)

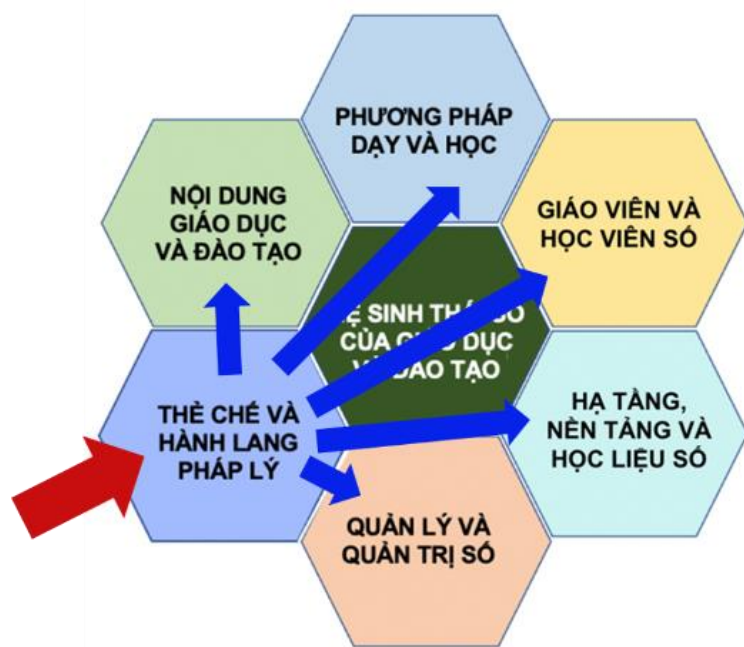
Năm 2021, Chương trình TVET đã phối hợp với Tổng cục GDNN thực hiện một số nghiên cứu về hiện trạng của CDS trong GDNN tại Việt Nam, như chuyến công tác tìm hiểu thực tế tại 11 trường cao đẳng đối tác của GIZ; khảo sát trực tuyến quy mô lớn về hiện trạng của CDS trên cấp độ hệ thống GDNN ở Việt Nam; các hoạt động

đào tạo nâng cao nhận thức, kiến thức về CDS; tư vấn chiến lược CDS cho các cơ sở GDNN.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu cấp thiết phải tiến hành rà soát hệ thống hành lang pháp lý liên quan để chuẩn bị tiến hành sửa đổi đồng bộ với tiến trình CDS chung.

1.2.2. Hành lang pháp lý gắn với CDS trong GDNN tại Việt Nam

Trong sáu hợp phần của hệ sinh thái chuyển đổi số, hợp phần thể chế có vị trí đặc biệt. Nói cho cùng, chuyển đổi số là thay đổi cách làm việc, mà cách làm việc của một hệ thống, bao gồm hệ thống GDNN, được qui định bởi thể chế, cụ thể là hệ thống luật và các văn bản dưới luật liên quan. Bản thân quá trình triển khai năm hợp phần còn lại cũng phụ thuộc vào hành lang pháp lý liên quan. Từ nhận thức này, việc nghiên cứu hệ thống văn bản pháp quy hiện hành nhằm phát hiện các nội dung hiện đang cản trở quá trình CDS cũng như phát hiện sớm các vấn đề có thể gây cản trở trong tương lai, các cơ chế chính sách thúc đẩy chuyển đổi số để chủ động sửa đổi và bổ sung có ý nghĩa quan trọng.



Hình 2: Sơ đồ hành lang pháp lý gắn với 5 hợp phần của GDNN

1.3. Lý do triển khai hoạt động

Cho đến nay, chưa có một hoạt động nghiên cứu bài bản và chuyên sâu nào về rà soát hành lang pháp lý gắn với CDS trong GDNN tại Việt Nam. Do đó, hoạt động

này nhằm cung cấp cho Tổng cục GDNN, các cơ sở GDNN và các bên liên quan một phân tích có hệ thống về hành lang pháp lý liên quan đến sáu hợp phần của hệ sinh thái CDS trong GDNN. Hoạt động nghiên cứu giúp hệ thống hóa các văn bản, chỉ ra các lỗ hổng về chính sách liên quan đến CDS, từ đó đưa ra những khuyến nghị về điều chỉnh chính sách và các quy định pháp lý nhằm kiến tạo cho hoạt động CDS trong GDNN đạt hiệu quả tốt nhất.

1.4. Mục tiêu hoạt động

Việc sửa đổi hành lang pháp lý để kiến tạo CDS của một ngành lớn và quan trọng như GDNN là một công việc rất phức tạp và cần tiến hành một cách cẩn trọng. Trong khuôn khổ một nghiên cứu trong điều kiện thời gian và nguồn lực hạn chế chúng tôi không có tham vọng giải quyết triệt để vấn đề này mà chỉ đặt mục tiêu khởi động một quá trình liên tục và kéo dài.

Để có được bức tranh tổng quát về hành lang pháp lý gắn với CDS trong GDNN, chúng tôi đề xuất mục tiêu tổng thể là “hiểu sâu hơn về hiện trạng của khung pháp lý để có những đề xuất những sửa đổi cần thiết cho việc thực hiện CDS trong GDNN của Việt Nam”. Các mục tiêu cụ thể được trình bày rõ hơn như dưới đây:

- Hiểu rõ và xác định những vướng mắc và bất cập trong hành lang pháp lý trong các hoạt động hiện nay của chuyển đổi số GDNN.
- Hiểu rõ và xác định các vướng mắc và bất cập nổi bật của hành lang pháp lý cho các hoạt động CDS trong các hợp phần của hệ sinh thái trong chuyển đổi số GDNN.
- Đề xuất hướng sửa đổi và bổ sung cần thiết của hành lang pháp lý cho các hoạt động chuyển đổi số GDNN trong giai đoạn trước mắt.

1.5. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, nghiên cứu nhằm trả lời câu hỏi chính “hiện trạng của khung pháp lý để thực hiện CDS trong GDNN tại Việt Nam như thế nào?”. Đặc biệt, các câu hỏi sau được giải quyết thêm:

- Khung pháp lý hiện hành có liên quan và hiệu quả như thế nào đối với việc thực hiện CDS trong GDNN tại Việt Nam?
- Những chủ đề và khía cạnh nào còn thiếu trong các văn bản chính sách hiện hành và cần được củng cố?

- Những chính sách, quy định và luật mới nào là cần thiết để tạo nâng cao hiệu quả hoạt động CDS trong GDNN tại Việt Nam?
- Những thách thức và các yếu tố thành công liên quan đến việc xây dựng và củng cố khung pháp lý để thực hiện CDS trong GDNN tại Việt Nam là gì?
- Các bài học kinh nghiệm chính, các khuyến nghị hoặc lời khuyên chính sách để thúc đẩy việc thực hiện CDS trong GDNN tại Việt Nam là gì?

1.6. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phối hợp một số phương pháp như nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, tham vấn chuyên gia, phỏng vấn sâu và bảng hỏi online để thu thập các thông tin, dữ liệu định tính và định lượng. Các chuyên gia đã nghiên cứu hệ thống văn bản pháp luật bao gồm luật và các văn bản dưới luật, quy định, chính sách liên quan đến sáu hợp phần của hệ sinh thái CDS trong GDNN và các quy định, chính sách khác có liên quan đến CDS trong GDNN như các quy định về đầu tư, lao động, và giáo dục nói chung. Các cuộc họp tham vấn, thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu đã được thực hiện với đại diện đến từ Tổng cục GDNN, Sở LĐTĐ các tỉnh, các cơ sở GDNN, doanh nghiệp và tổ chức liên quan.

1.6.1. Khảo sát tài liệu

Nhóm chuyên gia tư vấn đã tiến hành nghiên cứu hệ thống các văn bản pháp luật và các tài liệu:

- Luật và các văn bản dưới luật do Chính phủ ban hành hoặc các chính sách khác, ví dụ như về đầu tư, quan hệ lao động và giáo dục phổ thông liên quan đến CDS trong GDNN;
- Các văn bản, quy định hiện hành do Bộ LĐTĐ hoặc Tổng cục GDNN ban hành, bao gồm:
 - o Các quy định, chính sách (thông tư, chỉ thị, công văn...) liên quan đến GDNN.
 - o Các quy định và chính sách (thông tư, chỉ thị, công văn...) liên quan đến sáu thành phần của hệ sinh thái CDS trong GDNN;
- Các quy định và chính sách do các cơ sở GDNN tự ban hành

1.6.2. Phỏng vấn sâu

Hoạt động đầu tiên là phỏng vấn sâu với lãnh đạo và cán bộ của Tổng cục GDNN. Thành phần tham gia phỏng vấn sâu là các đại diện của Vụ đào tạo Chính quy, Vụ

Đào tạo thường xuyên, Vụ nhà giáo, Vụ công tác học sinh, sinh viên, Vụ Kỹ năng nghề, Cục kiểm định chất lượng GDNN, Vụ kế hoạch - tài chính, Vụ cơ sở vật chất và thiết bị, Vụ tổ chức cán bộ, Vụ pháp chế - thanh tra, Văn phòng và Viện khoa học GDNN.

Các cuộc phỏng vấn sâu được tổ chức trước khi thảo luận nhóm với 10 địa phương nhằm mục đích tìm ra các vấn đề, khó khăn, vướng mắc về mặt pháp lý sẽ được thảo luận trong các cuộc thảo luận nhóm.

1.6.3. Thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm được tiến hành với những đại diện là lãnh đạo và cán bộ của các Sở LĐTĐBXH, các cơ sở GDNN (các trường cao đẳng, trường trung cấp, trường sơ cấp, trung tâm GDNN - GDTX), các doanh nghiệp, hội đồng tư vấn nghề của các trường đến từ 10 tỉnh/thành phố, bao gồm Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Huế, Nha Trang, Ninh Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, An Giang, Long An.

Mục đích của các buổi thảo luận nhóm là tìm hiểu thực trạng và những khó khăn về mặt pháp lý của các cơ quan quản lý cấp địa phương, các cơ sở GDNN, các doanh nghiệp và hội đồng tư vấn nghề trong quá trình thực hiện CĐS trong GDNN. Tại các cuộc thảo luận nhóm, chuyên gia tư vấn đã lắng nghe ý kiến đề xuất của đại biểu để cải thiện và điều chỉnh các chính sách còn vướng mắc.

Các cuộc thảo luận được tiến hành theo kế hoạch chung như sau:

- Chuyên gia tư vấn của GIZ trình bày mục đích của buổi thảo luận.
- Các đại biểu trình bày các khó khăn, vướng mắc về mặt pháp lý trong quá trình thực hiện CĐS tại cơ sở GDNN và đưa ra đề xuất.
- Các thành viên nhóm tư vấn đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về hiện trạng và khơi gợi các ý tưởng đề xuất của các đại biểu tham dự.

Các cuộc thảo luận cởi mở được thực hiện cho tất cả các thành viên nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

1.6.4. Khảo sát online

Dữ liệu định tính và định lượng từ bảng câu hỏi khảo sát trực tuyến là rất cần thiết để bổ sung cho các phân tích và đánh giá định tính. Bảng câu hỏi trực tuyến đã được thiết kế cho các đối tượng tham gia là đại diện của Tổng cục GDNN, các Sở LĐTĐBXH, các cơ sở GDNN, các doanh nghiệp trên 63 tỉnh/thành phố.

1.6.5. Họp tham vấn

Cuộc họp tham vấn được thực hiện sau khi nhóm chuyên gia tư vấn hoàn thiện sơ bộ báo cáo của hoạt động nhằm mục đích báo cáo kết quả của hoạt động cho tất cả các thành viên đã tham gia vào các cuộc phỏng vấn sâu, các cuộc thảo luận nhóm, lãnh đạo tổng cục và tất cả những người có quan tâm đến nghiên cứu này. Ngoài ra, cuộc họp tham vấn cũng giúp nhóm chuyên gia thu thập ý kiến đóng góp/nhận xét để hoàn thiện báo cáo cuối cùng.

1.7. Tóm tắt hoạt động

Hoạt động rà soát hành lang pháp lý gắn với CDS trong GDNN chính thức diễn ra trong vòng 2 tháng (từ 01/10/2021 - 28/11/2021).

Nhằm mục đích thống nhất nhận thức và cung cấp thông tin sơ bộ về định hướng, mục đích và kế hoạch hoạt động rà soát hành lang pháp lý, cuộc hội thảo đầu tiên được tổ chức ngày 13/10/2021. Đối tượng tham dự bao gồm đại diện lãnh đạo, quản lý, cán bộ từ Tổng cục GDNN, 10 Sở LĐTĐBXH, các cơ sở GDNN, doanh nghiệp và thành viên Hội đồng Tư vấn nghề. Đây cũng chính là nhóm đối tượng tham gia phỏng vấn, thảo luận nhóm.

Tiếp nối, nhóm chuyên gia tư vấn tiến hành phỏng vấn sâu với lãnh đạo và cán bộ của Tổng cục GDNN bao gồm lãnh đạo Tổng cục và lãnh đạo, chuyên viên của 12 Cục/Vụ/Viện trực thuộc Tổng cục GDNN.

Trong giai đoạn từ ngày 18 - 29/10/2021, nhóm chuyên gia đã tiến hành 10 cuộc thảo luận nhóm với những đại diện là lãnh đạo và cán bộ của các Sở LĐTĐBXH, các cơ sở GDNN, các doanh nghiệp, hội đồng tư vấn nghề của các trường đến từ 10 tỉnh/thành phố, bao gồm Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Huế, Nha Trang, Ninh Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, An Giang, Long An.

Song song với hoạt động thảo luận nhóm với 10 tỉnh/thành phố, từ ngày 18 - 29/10/2021, nhóm chuyên gia tiến hành gửi phiếu khảo sát online lấy ý kiến tại 63 tỉnh/thành phố. Kết quả, có hơn 1.200 phiếu phản hồi đã được thu thập, tổng hợp và phân tích làm cơ sở minh chứng cho các nhận định trong báo cáo này.

Sau khi tiến hành các hoạt động phỏng vấn, thảo luận nhóm và khảo sát online, nhóm chuyên gia tư vấn đã tổng hợp dữ liệu, họp tổng kết đánh giá và viết báo cáo, đề xuất các khuyến nghị cho Tổng cục GDNN, GIZ, các cơ sở GDNN, DN và các tổ chức liên quan. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong buổi hội thảo ngày 23/11/2021 cho lãnh đạo Tổng cục, đại diện đến từ GIZ, tất cả các thành viên đã tham

dự vào các hoạt động khảo sát và các thành viên khác có quan tâm về vấn đề này. Sau buổi hội thảo, nhóm chuyên gia tư vấn tiếp thu các góp ý và hoàn thiện bản báo cáo cuối cùng.

Kết quả nghiên cứu cuối cùng được chia sẻ cho các cơ sở GDNN, các chương trình thuộc GIZ và các tổ chức trong nước và quốc tế khác để tham khảo.

2. THỰC TRẠNG HÀNH LANG PHÁP LÝ CDS TRONG GDNN

Trong thời gian từ năm 2017 đến nay, hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến GDNN đã được sửa đổi, xây dựng một cách hệ thống và về cơ bản đã bao phủ các vấn đề liên quan đến hoạt động GDNN. Hệ thống các văn bản này được thiết kế trên cơ sở phương thức hoạt động hiện hành với hình thức đào tạo trực tiếp là chủ yếu. Các vấn đề liên quan đến ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy và quản lý cũng đã được đề cập. Một số nội dung liên quan đến dạy và học trực tuyến cũng đã có hướng dẫn trong khuôn khổ nỗ lực triển khai đào tạo từ xa. Một phần của nội dung năng lực số cho người học cũng đã được thể hiện trong môn Tin học - là một trong sáu môn học bắt buộc và thống nhất trong toàn hệ thống.

Quá trình triển khai hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan cũng đã thể hiện một số vấn đề vướng mắc cần nghiên cứu sửa đổi. Đại dịch Covid 19 tạo một cú hích cho việc đẩy nhanh việc dạy và học trực tuyến trên quy mô lớn. Quá trình này cũng làm cho các vấn đề bất cập nổi lên rõ nét hơn và việc sửa đổi trở nên cấp bách hơn nhằm tăng khả năng thích ứng và chống chịu của hệ thống GDNN trong trường hợp đại dịch còn kéo dài cũng như đối với các tình huống khó khăn tương tự trong tương lai.

Năm 2020 xuất hiện một vấn đề mới là Chính phủ ban hành chiến lược CDS quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, trong đó yêu cầu tất cả các cấp, các ngành, bao gồm ngành GDNN xây dựng và triển khai đề án CDS của mình. Sự chuyển hướng cơ bản ở đây là CNTT từ vai trò công cụ dạy và học, là công cụ quản lý phải trở thành một hợp phần hữu cơ của toàn bộ hệ thống GDNN. Bối cảnh của cuộc CMCN4 và tiến trình chuyển đổi số đang diễn ra trên thế giới cũng như các nỗ lực của Chính phủ Việt Nam nhằm xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số cũng tạo ra áp lực rất lớn cho hệ thống GDNN cần phải chuyển đổi để có thể thích ứng với các điều kiện mới đồng thời chủ động đóng góp vào nỗ lực chung của Chính phủ.

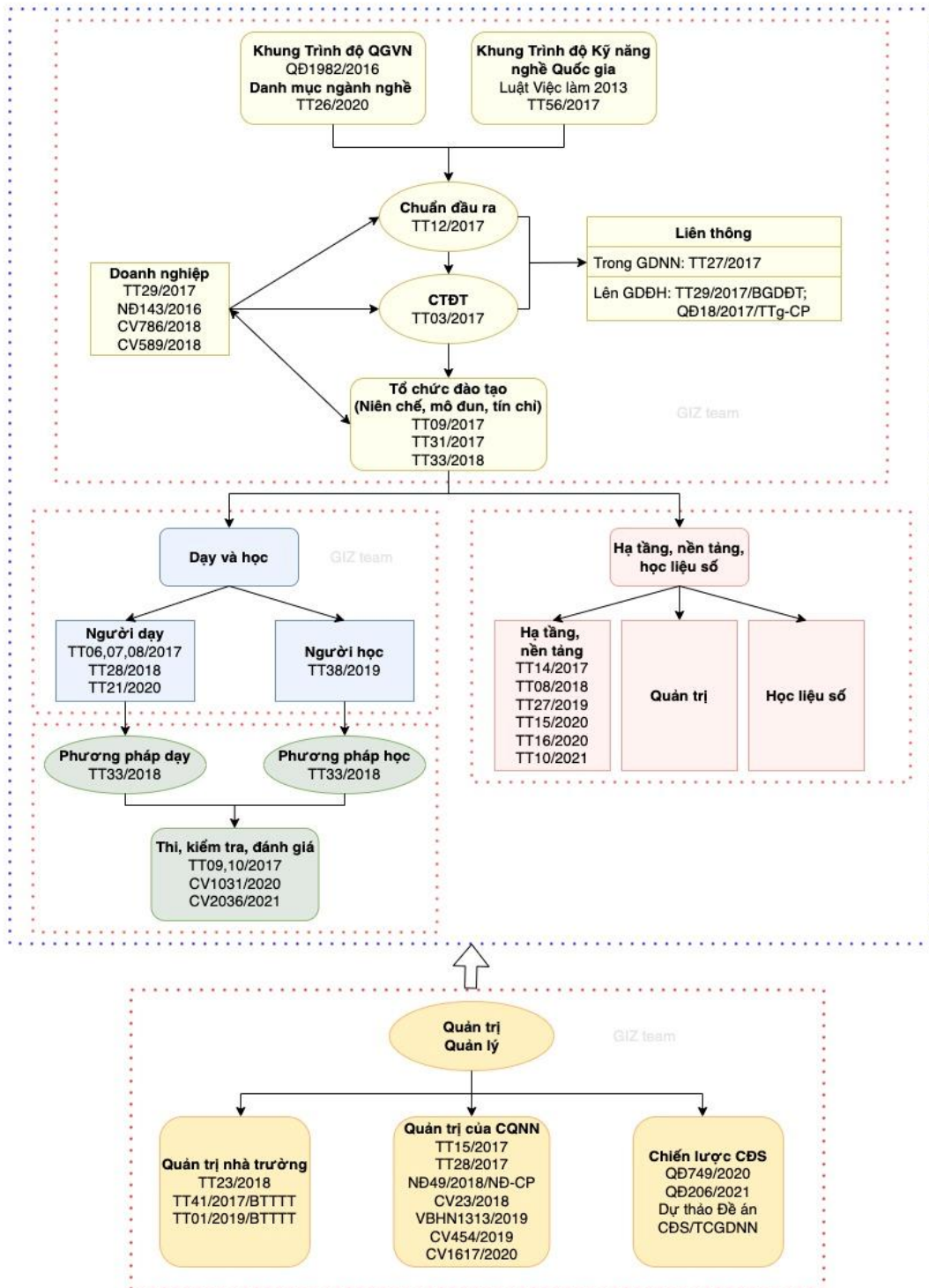
Hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến GDNN nhìn từ góc độ hệ sinh thái chuyển đổi số GDNN được thể hiện trong Hình 3.

Các văn bản được phân thành năm nhóm ứng với năm hợp phần của hệ sinh thái chuyển đổi số GDNN (trừ bản thân hợp phần thể chế) là:

1. Nội dung giáo dục và đào tạo
2. Phương pháp dạy và học

3. Người dạy và người học
4. Hạ tầng, nền tảng và học liệu số
5. Quản trị và quản lý giáo dục

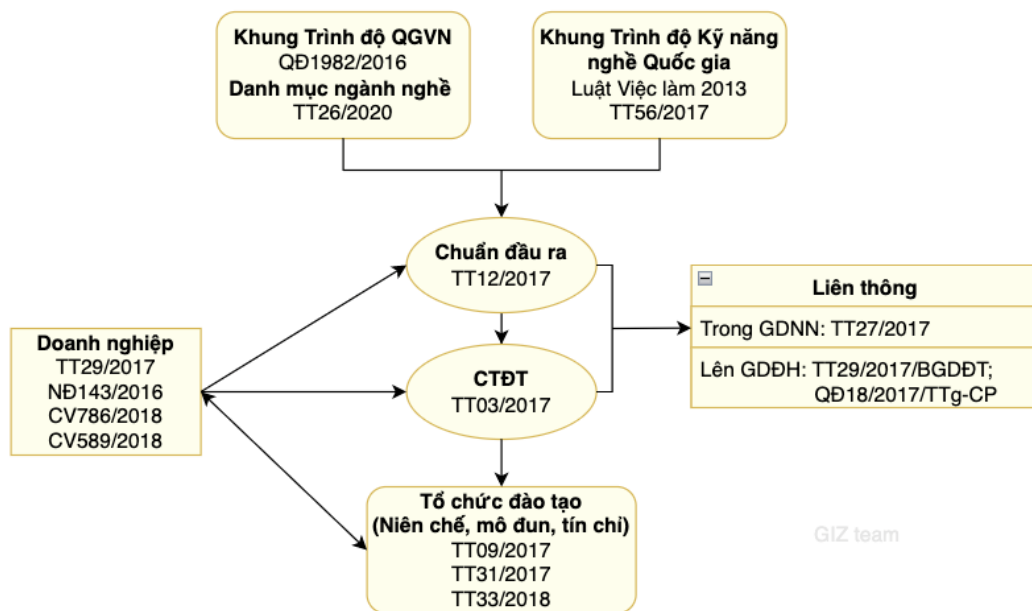
Mô hình thể hiện trên Hình 3 cho phép thể hiện một cách trực quan mối quan hệ của những vấn đề thực tế cụ thể với các văn bản liên quan và sẽ là một công cụ quan trọng phục vụ cho nghiên cứu này.



Hình 3: Hệ thống văn bản pháp lý gắn với 5 hợp phần của GDNN

Phần sau sẽ trình bày các vấn đề vướng mắc, các nội dung còn thiếu của hệ thống văn bản hiện hành ứng với từng hợp phần trong mô hình tổng thể.

2.1. Nội dung giáo dục và đào tạo



Hình 4: Văn bản pháp lý về Nội dung giáo dục và đào tạo

Chuyển đổi số nội dung đào tạo là một trong những hợp phần quan trọng nhất của chuyển đổi số GDNN. Yêu cầu chung là chương trình đào tạo phải bám sát được các yêu cầu đang thay đổi rất nhanh của thị trường lao động dưới tác động của CMCN4 và chuyển đổi số quốc gia. Chương trình CDS quốc gia 749 nhấn mạnh muốn xây dựng kinh tế số thì phải có đủ nhân lực số trình độ cao. Trách nhiệm này không chỉ đặt ra cho hệ thống đào tạo đại học mà cả cho hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Để đáp ứng các yêu cầu mới đặt ra này, các văn bản pháp quy cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng thêm quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đồng thời cập nhật thường xuyên các kỹ năng số cần thiết vào chuẩn đầu ra (CĐR) theo Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH.

Để có được thông tin chính xác về danh mục các ngành nghề đào tạo liên quan đến công nghệ số cũng như các kiến thức kỹ năng số cho các ngành nghề khác cần kết hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông, các hiệp hội nghề nghiệp liên quan và cần tham khảo các hệ thống ngành nghề của các nước có quan hệ kinh tế - lao động với Việt Nam nhằm hội nhập quốc tế. Danh mục ngành nghề được ban hành kèm theo Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH, tuy mới ra đời nhưng chưa đáp ứng được các điều kiện này và cần kiến nghị sửa đổi.

Các văn bản pháp quy liên quan đến nội dung GDNN được thể hiện trên hình 4. Các nội dung cụ thể được thể hiện chủ yếu trong Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH và

đây sẽ là trọng tâm xem xét các vấn đề vướng mắc cũng như các kiến nghị bổ sung, sửa đổi liên quan.

Từ kết quả khảo sát, nhóm nghiên cứu đã lọc ra các vấn đề trọng tâm sau đây:

- Yêu cầu của thị trường lao động thay đổi nhanh theo hướng đòi hỏi ngày càng cao đối với các kỹ năng số. Các kiến thức, kỹ năng CNTT trong chuẩn đầu ra chưa theo kịp các yêu cầu của đề án chuyển đổi số ngành GDNN.
- Yêu cầu về kỹ năng số đối với các nhóm ngành nghề khác nhau là khác nhau, nội dung môn Tin học thống nhất cho tất cả các ngành dẫn đến tình trạng thừa vừa thiếu.
- Nhu cầu về các ngành nghề công nghệ số, CNTT tăng cao theo hướng kinh tế số. Cơ cấu ngành nghề CNTT và nội dung kiến thức, kỹ năng chưa theo kịp yêu cầu của thị trường lao động, chưa tương thích với hệ thống tên ngành của bậc đại học trong lĩnh vực CNTT gây khó khăn thêm cho việc liên thông lên bậc đại học.
- Việc đào tạo theo tín chỉ, theo mô đun đã có đầy đủ các quy định, tuy nhiên việc quản lý hình thức đào tạo này đối với các trường rất phức tạp do thiếu hạ tầng công nghệ do đó chưa được triển khai rộng rãi.

Giải pháp cho các vấn đề được nêu ra sẽ được đề xuất ở phần sau.

2.2. Phương pháp dạy và học

Môi trường số đương nhiên đòi hỏi phải có phương pháp sư phạm tương ứng. Do tác động của đại dịch Covid 19, tất cả các trường tham gia khảo sát đều đã chuyển một phần hoạt động dạy và học lên môi trường trực tuyến. Tuy nhiên, vì việc chuyển lên môi trường trực tuyến do dịch bệnh là một phản ứng mang tính đối phó, mặt khác cũng từ nhận thức chưa đầy đủ và chưa được chuẩn bị về mọi mặt, nên tất cả các trường được khảo sát đều chuyển nguyên trạng nội dung cũng như phương thức giảng dạy từ môi trường trực tiếp lên môi trường trực tuyến. Về hành lang pháp lý các trường đều vận dụng Thông tư 33/2018/TT-BLĐTĐXH vốn được thiết kế cho môi trường đào tạo từ xa.

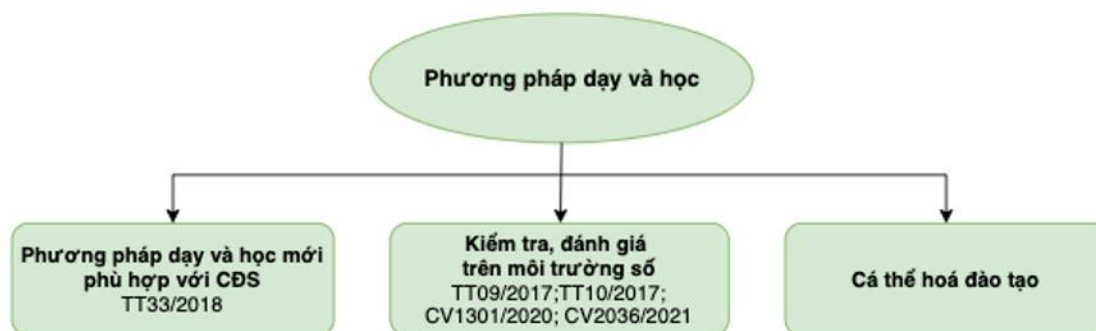
Việc chuyển đổi nguyên trạng như vậy lên môi trường trực tuyến dẫn đến chất lượng dạy và học thua sút so với học trực tiếp trong khi đó chuyển đổi số kỳ vọng sẽ nâng cao chất lượng GDNN nếu sử dụng các phương pháp sư phạm phù hợp. Việc thay đổi môi trường giảng dạy cũng sẽ đòi hỏi bổ sung nhiều quy định liên quan đến

quản lý chất lượng giáo dục, chế độ đãi ngộ cho giáo viên, thời lượng học cần thiết cho từng nội dung môn học...

Mặt khác một số văn bản có tính chất cấp tiến như thông tư 33/2018/TT-BLĐTĐBXH lại chậm được đưa vào thực tiễn do thiếu các điều kiện về con người và công nghệ thích hợp.

Từ kết quả phỏng vấn, nhóm nghiên cứu rút ra một số vấn đề cần giải quyết sau đây:

- Chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về các phương pháp dạy và học mới phù hợp với chuyển đổi số (lớp học đảo ngược, học tập hỗn hợp...).
- Do Covid 19 việc dạy và học online đã có bước tiến lớn, tuy nhiên quy định về kiểm tra, đánh giá trên môi trường trực tuyến còn chưa cụ thể dẫn đến nhiều khó khăn trong triển khai.
- Chưa có các quy định về sỹ số, về thời lượng các môn học cho trường hợp giảng dạy trực tuyến, vẫn áp dụng các quy định được xây dựng cho môi trường đào tạo trực tiếp.



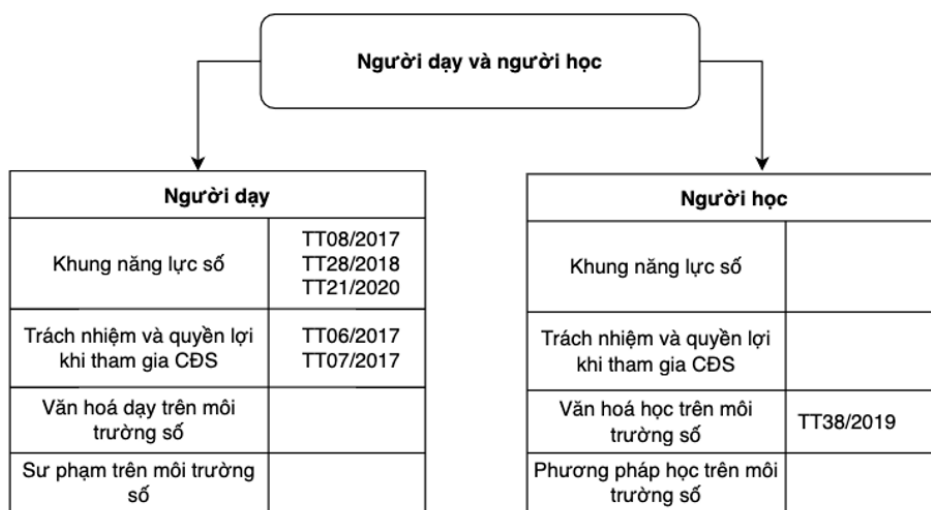
Hình 5: Văn bản pháp lý về Phương pháp dạy và học

Tất cả các vấn đề nêu trên đều quan trọng nhưng cấp bách nhất là vấn đề tổ chức đánh giá trực tuyến và vấn đề sỹ số khi tổ chức học trực tuyến.

2.3. Người dạy và người học

Để dạy và học trên môi trường số, giáo viên cần được trang bị các kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng sư phạm số. Thực tế khảo sát cho thấy chưa có giáo viên nào được đào tạo về sư phạm số. Bản thân nội hàm sư phạm số cũng chưa có quy định cụ thể.

Phương pháp học tập trên môi trường số đã được giới thiệu cho sinh viên mới nhập học ở một số trường nhưng cũng chưa có các văn bản hướng dẫn chung toàn ngành.



Hình 6: Văn bản pháp lý về Người dạy và người học

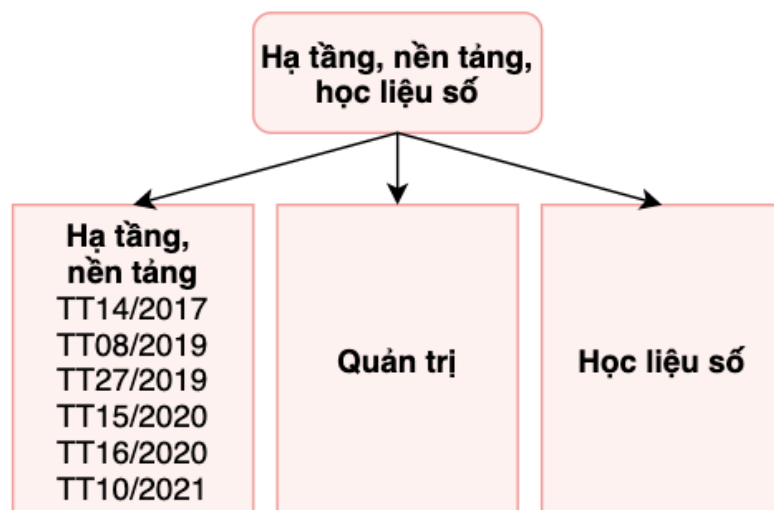
Các vấn đề chính nổi lên qua phỏng vấn là:

- Nội dung sư phạm nghề chưa có yêu cầu đầy đủ đối với sư phạm số.
- Việc đào tạo sư phạm nghề cho đội ngũ cán bộ đào tạo tại doanh nghiệp đang gặp nhiều vướng mắc và cần chuyển đổi số hoạt động này.
- Các chế độ chính sách cho giáo viên khi giảng dạy trực tuyến nói riêng và giảng dạy trong điều kiện chuyển đổi số nói chung chưa được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện mới
- Phương pháp học tập trên môi trường số chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể.
- Các vấn đề về văn hóa dạy và học trên môi trường số chưa có quy định điều chỉnh.

2.4. Hạ tầng, nền tảng và học liệu số

Không có hạ tầng số và học liệu số thì không thể có chuyển đổi số. Thực tế hiện nay trang thiết bị CNTT, hạ tầng số, các phần mềm quản lý quá trình dạy và học, quản trị nhà trường vẫn được coi là những thứ “có thì tốt” (Nice to have) chứ chưa phải là “nhất thiết phải có” (Must have). Việc đầu tư cho hạ tầng số tuân thủ các quy định chung về đầu tư CNTT và chưa trở thành một thành phần bắt buộc trong danh mục trang thiết bị giảng dạy của các cơ sở GDNN.

Các cơ chế chính sách liên quan đến khấu hao, kinh phí duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp máy tính và các trang thiết bị CNTT khác cũng còn nhiều bất cập.



Hình 7: Văn bản pháp lý về Hạ tầng, nền tảng, học liệu số

Vấn đề học liệu số là vấn đề mới đối với GDNN nhưng đóng vai trò quan trọng để đảm bảo chất lượng dạy và học trên môi trường số. Hành lang pháp lý cho việc đầu tư, khai thác sử dụng học liệu số hiện nay hoàn toàn thiếu vắng và là một vấn đề cần ưu tiên giải quyết trong khuôn khổ đề án chuyển đổi số ngành GDNN.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra một số vấn đề sau đây:

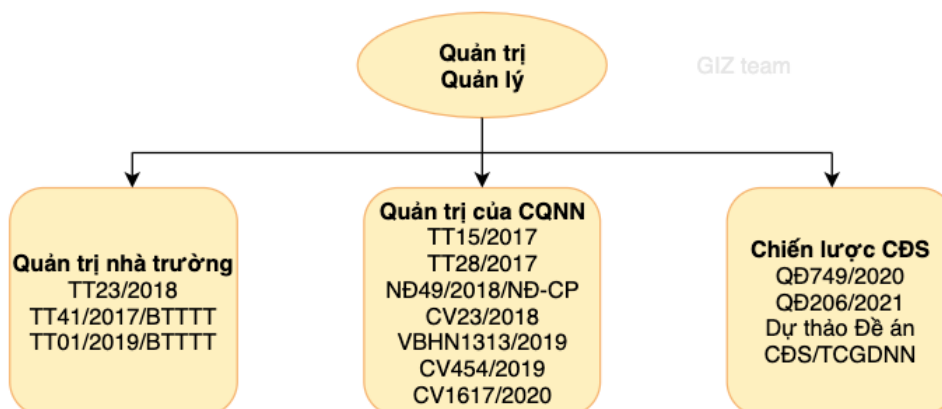
- Trang bị CNTT, cả phần cứng, phần mềm, kết nối mạng... chưa được coi là trang thiết bị thiết yếu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Các cơ chế đầu tư cho hạ tầng công nghệ chưa rõ ràng, gây ra nhiều vướng mắc.
- Chưa có cơ chế chính sách cho việc đầu tư học liệu số.
- Chưa có cơ chế bản quyền đối với học liệu số.

2.5. Quản trị và quản lý giáo dục

Công tác quản lý nhà nước và quản trị nhà trường là một hợp phần mà việc chuyển đổi số hứa hẹn mang lại nhiều lợi ích. Bản thân công tác quản lý, quản trị được quy định bởi rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, cả do ngành GDNN cũng như do các cơ quan quản lý nhà nước khác xây dựng và ban hành. Trong khuôn khổ nghiên cứu này nhóm nghiên cứu tập trung vào các văn bản của ngành GDNN.

Có thể nói hành lang pháp lý chậm cập nhật sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả chuyển đổi số và thể hiện rõ nét nhất trong hợp phần quản lý và quản trị này. Do đó,

việc nhanh chóng sửa đổi sẽ có tác dụng khơi thông rất lớn cho tiến trình chuyển đổi số nói chung.



Hình 8: Văn bản pháp lý về Quản trị và quản lý giáo dục

Các vấn đề cần nghiên cứu giải quyết bao gồm:

- Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định còn dựa trên văn bản giấy gây nhiều khó khăn cho chuyển đổi số.
- Chưa có quy định chuẩn hóa hệ thống bảng biểu cũng như các quy định chuẩn hóa văn bản thủ tục hành chính cho toàn bộ hệ thống theo hướng số hóa.
- Các quy định về hệ thống hồ sơ giảng dạy cho giáo viên vẫn theo hình thức văn bản giấy gây quá tải cho giáo viên.

3. KHUYẾN NGHỊ

Đánh giá chung nhất về hiện trạng rút ra được từ đợt khảo sát là hành lang pháp lý hiện tại cần được sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung để đáp ứng được yêu cầu rất cao của đề án chuyển đổi số GDNN. Một số vấn đề vướng mắc hiển nhiên cần được sửa đổi ngay, một số vấn đề khác sẽ đòi hỏi nhiều thời gian hơn và cần đồng bộ với tiến độ chuyển đổi số của ngành, nhất là chỉ có thể thực hiện khi đã có hạ tầng số tương ứng.

Mặt khác, chuyển đổi số là một quá trình lâu dài, trong quá trình đó sẽ tồn tại song song cả hai phương thức giáo dục nghề nghiệp (trực tiếp trên môi trường vật lý truyền thống và trên môi trường số) do đó việc sửa đổi sẽ phải tính đến thực tế này. Khuyến nghị chung của nhóm chuyên gia là cần sửa đổi theo hướng bổ sung thêm các nội dung liên quan đến chuyển đổi số, áp dụng cho các cơ sở GDNN đủ điều kiện vào các văn bản hiện có, hạn chế việc xây dựng và ban hành các văn bản mới.

Hướng sửa đổi, bổ sung là mở hơn và tăng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDNN, hạn chế các quy định cứng có thể gây ra cản trở trong tương lai. Sau đây là các khuyến nghị cụ thể về các vấn đề nổi cộm nhất.

Cần chú ý rằng các khuyến nghị này chỉ là ý kiến của chuyên gia nhìn từ góc độ chuyển đổi số. Các cơ quan quản lý nhà nước khi sử dụng các khuyến nghị này cần cân nhắc đầy đủ các góc độ khác nhau của việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật. Cũng cần chú ý rằng một vài văn bản liên quan nêu ở mỗi khuyến nghị chỉ là gợi ý ban đầu của chúng tôi, có thể còn thiếu hoặc chưa hoàn toàn chính xác. Chắc chắn các chuyên viên của Tổng cục GDNN - những người đã soạn ra các văn bản pháp lý và am hiểu sâu sắc các hoạt động GDNN - sẽ xác định chính xác và đầy đủ các văn bản pháp lý và các nội dung cụ thể cần chỉnh sửa.

3.1. Nội dung giáo dục và đào tạo

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các hiệp hội nghề nghiệp liên quan và tham khảo kinh nghiệm quốc tế để đặt tên và xác định nội dung đào tạo của các ngành nghề công nghệ số. Có cơ chế linh hoạt hơn để bổ sung các ngành nghề mới vào danh mục ngành nghề đào tạo. (Bổ sung, sửa đổi Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH). Yêu cầu chung đối với nội dung sửa đổi này là tên ngành phải phản ánh đúng nội dung công việc, đáp ứng đúng các vị trí cần tuyển dụng của các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động. Mặt khác tên

ngành phải tạo được sự hấp dẫn đối với học sinh, sinh viên tương lai để tạo thuận lợi cho công tác tuyển sinh và đặc biệt nên tương thích với hệ thống các ngành đào tạo CNTT ở bậc đại học để tạo điều kiện triển khai liên thông.

- Cần có cơ chế để các trường liên tục cập nhật, bổ sung các nội dung sau đây vào chương trình đào tạo (Bổ sung, sửa đổi TT03/2017/TT-BLĐT BXH):
 - o Cập nhật định kỳ các kỹ năng số cần thiết vào chuẩn đầu ra để nâng dần mức sàn. Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng CNTT cần được bổ sung, tăng cường để đáp ứng các yêu cầu của chuyển đổi số. Mặt khác các cơ sở GDNN cần tăng cường năng lực tự chủ để cập nhật các nội dung kiến thức kỹ năng số cao hơn mức độ sàn quy định chung cho toàn ngành.
 - o Tăng cường kết nối nhà trường, doanh nghiệp và cựu sinh viên để nắm bắt kịp thời các yêu cầu của thị trường lao động. Để tăng cường liên kết này cần sử dụng mạnh mẽ công nghệ số và bổ sung các quy định liên quan.
- Môn tin học cần được thiết kế thành phần chung (cho tất cả các ngành) và phần công nghệ số chuyên ngành (theo từng nhóm ngành). Bản thân tên môn học này cũng cần đổi thành môn “Công nghệ số” để phản ánh xu hướng chung về chuyển đổi số hiện nay (Bổ sung, sửa đổi TT11/2018/TT-BLĐT BXH).

3.2. Phương pháp dạy và học

- Có quy định về thực hiện các phương pháp dạy học mới, tiêu biểu là học tập kết hợp (dạy học trên lớp kết hợp với đầu vào số như công nghệ số, học liệu số, dịch vụ số, online...) (Bổ sung, sửa đổi TT09/2017/TT-BLĐT BXH; TT33/2018/TT-BLĐT BXH).

- Khẩn trương có các hướng dẫn cụ thể cho các cơ sở GDNN về kiểm tra đánh giá bằng hình thức trực tuyến. Quy định cụ thể những nội dung, những môn học có thể đánh giá trực tuyến, cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá về an toàn, khách quan, nghiêm túc... trong kiểm tra đánh giá trực tuyến. (Bổ sung, sửa đổi TT09/2017/TT-BLĐT BXH; TT33/2018/TT-BLĐT BXH)

- Bổ sung các quy định về sỹ số, về thời lượng, hệ số quy đổi giờ dạy... cho hình thức đào tạo trực tuyến và các hình thức dạy và học trên môi trường số khác (lớp học đảo ngược, học tập hỗn hợp, học theo dự án...) (Bổ sung, sửa đổi TT09/2017/TT-BLĐT BXH; TT33/2018/TT-BLĐT BXH)

- Rút kinh nghiệm từ việc xây dựng chương trình đào tạo theo mô đun đối với ngành cơ điện tử do GIZ hỗ trợ, xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn các trường xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành nghề khác bao gồm cả phương thức cập nhật nội dung các mô đun theo yêu cầu biến động của thị trường.

3.3. Người dạy và người học

- Cần xây dựng và ban hành chuẩn kiến thức kỹ năng số của giáo viên theo nhóm ngành và bổ sung nội dung này vào chương trình đào tạo sư phạm dạy nghề và bổ túc (bằng hình thức trực tuyến) cho đội ngũ giáo viên hiện có (Bổ sung, sửa đổi TT08/2017/TT-BLĐTBXH)

- Cần ưu tiên chuyển đổi số hoạt động đào tạo sư phạm dạy nghề cho các cán bộ đào tạo tại doanh nghiệp. Bổ sung các văn bản hướng dẫn liên quan (Bổ sung, sửa đổi TT08/2017/TT-BLĐTBXH).

- Biên soạn và phổ biến tài liệu về học tập trên môi trường số để hỗ trợ các trường nhanh chóng đưa vào giới thiệu cho sinh viên. Nội dung này có thể tiến hành bằng hình thức trực tuyến.

3.4. Hạ tầng, nền tảng và học liệu số

- Bổ sung danh mục máy tính và trang thiết bị CNTT, bao gồm cả các hệ thống phần mềm vào danh mục các trang bị bắt buộc phải có của cơ sở GDNN (Bổ sung, sửa đổi TT14/2017/TT-BLĐTBXH).

- Xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn (tạm thời - sand box) cho các dự án đầu tư CNTT trong các cơ sở GDNN, có quy chế cho kinh phí duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị.

- Xây dựng và ban hành các chế độ, chính sách liên quan đến học liệu số bao gồm cả các vấn đề về bản quyền.

3.5. Quản trị và quản lý giáo dục

- Cần nhanh chóng sửa đổi các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm định cho phù hợp với chiến lược chuyển đổi số. Đối với các cơ sở GDNN đã có hệ thống quản lý trên môi trường số thì không yêu cầu hồ sơ giấy (Bổ sung, sửa đổi TT15/2017/TT-BLĐTBXH)

- Xây dựng và ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo số thống nhất toàn ngành (Bổ sung, sửa đổi TT23/2017/TT-BLĐTBXH)

- Đơn giản hóa, số hóa hệ thống hồ sơ giảng dạy nhằm mục tiêu đơn giản hóa tối đa và áp dụng công nghệ số trong việc quản lý hồ sơ giảng dạy, giảm thiểu thời gian làm hồ sơ cho giáo viên. Quá trình giải quyết vấn đề này có thể tham khảo kinh nghiệm của Bộ GDĐT (Bổ sung, sửa đổi TT23/2017/TT-BLĐTĐBXH).

3.6. Kiến nghị triển khai

- Để triển khai sửa đổi hành lang pháp lý cần sự tham gia tích cực của các chủ thể liên quan đến GDNN, không chỉ là việc của các cơ quan cấp Tổng cục. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể rà soát lại các quy định nội bộ của mình để chủ động sửa đổi cho phù hợp với xu hướng chuyển đổi số.

- Quá trình thiết kế các sửa đổi cần có sự phối hợp chặt chẽ của tất cả các chủ thể, đặc biệt các trường đang đi tiên phong về chuyển đổi số, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, hiểu rõ các vướng mắc có thể có trong thực tiễn chuyển đổi số của mình.

4. KẾT LUẬN CHUNG

Việc sửa đổi hành lang pháp lý cho phù hợp là hợp phần quan trọng đảm bảo thực hiện thành công đề án chuyển đổi số GDNN và cần được tiến hành đồng bộ với tiến trình chuyển đổi số và cần được coi là lĩnh vực ưu tiên.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra có ba nhóm vấn đề:

- Các quy định, chế độ do các cơ sở GDNN đặt ra để quản lý hoạt động nội bộ của mình. Nhóm vấn đề này các trường cần ưu tiên chủ động rà soát và sửa đổi theo hướng vận dụng tối đa quyền tự chủ của cơ sở.

- Nhóm các vấn đề do Tổng cục GDNN xây dựng và ban hành sẽ cần nghiên cứu bổ sung, sửa đổi ngay sau khi Đề án Chuyển đổi số được Chính phủ phê duyệt. Phương hướng chính để thực hiện việc này là bổ sung các quy định để áp dụng cho các hoạt động của các cơ sở GDNN đã và đang chuyển đổi số vào các văn bản hiện hành.

- Nhóm các vấn đề quy định ở mức cao hơn sẽ cần đề xuất cấp tương ứng cho phép sửa đổi, bổ sung.

Để đảm bảo chất lượng của việc sửa đổi, bổ sung hành lang pháp lý cần có sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan chủ trì soạn thảo với tất cả các chủ thể liên quan, đặc biệt là các trường đang đi tiên phong trong chuyển đổi số. Nhóm chuyên gia kiến nghị lựa chọn chính nhóm 11 trường đối tác GIZ làm môi trường thí điểm các cơ chế chính sách mới theo hình thức sand box.

Do hạn chế về mặt thời gian, nghiên cứu này chỉ có thể hệ thống hóa lại các văn bản pháp quy liên quan đến GDNN từ góc nhìn chuyển đổi số và đề ra các định hướng chung để sửa đổi, bổ sung. Để tiến hành các sửa đổi cụ thể cần có các nghiên cứu sâu hơn ở các giai đoạn tiếp theo. Hy vọng các kết quả nghiên cứu này sẽ hữu ích với Tổng cục GDNN khi triển khai các hoạt động của đề án chuyển đổi số ngành GDNN.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Tú Bảo, Nguyễn Nhật Quang (2021), *Báo cáo hoạt động tìm hiểu thực tế chuyển đổi số tại 11 trường đối tác của GIZ*, Tổng cục GDNN, GIZ.
2. Hồ Tú Bảo, Nguyễn Huy Dũng, Nguyễn Nhật Quang (2020), *Hỏi đáp về Chuyển đổi số*, NXB Thông tin và Truyền thông.
3. Tổng cục GDNN (2021), *Dự thảo Đề án Chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
4. Tổng cục GDNN (2017), *Một số văn bản quy phạm pháp luật về GDNN*.
5. APEC (2017), *Employer driven competencies to address skills shortages in the digital age*, APEC Project DARE (Data Analytics Raising Employment).
6. Hồ Tú Bảo (2019), *Nguồn nhân lực số và kỹ năng lao động mới, Chương 7, Việt Nam thời chuyển đổi số*, NXB Thế giới.
7. Bukht, R., Heeks, R. (2018), *Defining, Conceptualising and Measuring the Digital Economy*, International Organisations Research Journal 13(2):143-172.
8. Chang J.H, Rynhart G., Huynh P. (2016), *Asian in transformation: How technology is changing jobs and enterprise*, International Labor Organization. http://unctad.org/meetings/es/Presentation/cstd2016_p24_Jae-HeeChang_ILO_en.pdf.
9. Dziuban, C., C.R. Graham, P.D. Moskal, A.Norberg, N. Sicilia (2018), *Blended learning: the new normal and emerging technologies*, International Journal of Educational Technologies in Higher Education. <https://educationaltechnologyjournal.springeropen.com/track/pdf/10.1186/s41239-017-0087-5.pdf>
10. European Parliamentary (2020), *Rethinking education in the digital age*. [https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/STUD/2020/641528/EPRS_STU\(2020\)641528_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/STUD/2020/641528/EPRS_STU(2020)641528_EN.pdf)
11. Lindsay Herbert (2017), *Digital Transformation, Chuyển đổi số (bản dịch tiếng Việt)*, Alpha book (2020).
12. Marr B. (2019), *Chiến lược Dữ liệu*, NXB Tp Hồ Chí Minh.
13. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về *một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-52-nqtw-ngay-2792019-cua-bo-chinh-tri-ve-mot-so-chu-truong-chinh-sach-chu-dong-tham-gia-cuoc-cach-mang-cong-5715>.
14. OECD (2016), *Skills for a digital world*. <https://www.oecd.org/els/emp/Skills-for-a-Digital-World.pdf>

15. OECD (2020), *A roadmap toward a common framework for measuring the digital economy*. <https://www.oecd.org/sti/roadmap-toward-a-common-framework-for-measuring-the-digital-economy.pdf>
16. Peng, H, S. Ma, J.M. Spector (2019), *Personalized adaptive learning: an emerging pedagogical approach enabled by a smart learning environment*, *Smart Learning Environments*.
<https://slejournal.springeropen.com/track/pdf/10.1186/s40561-019-0089-y.pdf>
17. Quyết định số 749/QĐ-TTg của Chính phủ về “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/Quyết-dinh-749-QĐ-TTg-2020-phe-duyet-Chuong-trinh-Chuyen-doi-so-quoc-gia-444136.aspx>
18. Quyết định số 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyết-dinh-942-QĐ-TTg-2021-Chien-luoc-phat-trien-Chinh-phu-dien-tu-huong-toi-Chinh-phu-so-477851.aspx>
19. Quyết định số 950/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030”. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Quyết-dinh-950-QĐ-TTg-2018-de-an-phat-trien-do-thi-thong-minh-ben-vung-2018-2025-389529.aspx>.
20. Roger D. L. (2016), *Rethinking and Transforming Your Business for the Digital Age*, Columbia University Press, 2016. Bản dịch tiếng Việt “Cải tổ doanh nghiệp trong thời đại số”, PACE Institute of Management, 2018.
21. Think Tank VINASA (2019), *Việt Nam thời chuyển đổi số*, NXB Thế giới.
22. *Tương lai kinh tế số Việt Nam, Hướng tới năm 2030 và 2045*.
https://data.opendevelopmentmekong.net/dataset/fd853b31-f750-4862-908c-1bcc65a44609/resource/b7d52f76-c865-4e60-806a-bc8ba3557864/download/18-00566_data61_report_vietnamsfuturedigialeconomy2040-v2_vietnamese_we....pdf
23. Westerman G., Bonnet D., McAfee A., *Số hóa doanh nghiệp: Từ chiến lược đến thực thi*, NXB Công Thương.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Thiết kế nghiên cứu

		Đơn vị	Số người	Số cuộc phỏng vấn/Tỉnh	Số tỉnh khảo sát	Tổng số cuộc	Ghi chú	Thời gian
1	Phòng vấn sâu cấp Trung ương		27			5		
1.1	Vụ đào tạo Chính quy	Tổng cục GDNN	2	1		1	Trao đổi để tìm vấn đề trước khi trao đổi với địa phương	11-14/10
1.2	Vụ Đào tạo thường xuyên		2					
1.3	Vụ nhà giáo		2					
1.4	Vụ công tác HSSV		2	1	1			
1.5	Vụ Kỹ năng nghề		2					
1.6	Cục kiểm định chất lượng GDNN		2					
1.7	Vụ kế hoạch - tài chính		2	1	1			
1.8	Vụ cơ sở vật chất và thiết bị		2					
1.9	Vụ tổ chức cán bộ		2					
1.10	Vụ pháp chế - thanh tra		2	1	1			
1.11	Văn phòng		2					
1.12	Viện khoa học GDNN		2					
1.13	Lãnh đạo tổng cục		1	1	1			
1.14	Chuyên gia		2					
2	Thảo luận nhóm cấp Địa phương		16	1	10	10		18-29/10

2.1	Lãnh đạo Sở	Sở LĐTĐBXH	1				Phân tích định tính (các tỉnh còn lại sẽ gửi công cụ online)	
	Lãnh đạo phòng Dạy nghề		1					
	Chuyên viên pháp lý		1					
2.2	Ban giám hiệu	1 Trường Cao đẳng	1					
	Lãnh đạo phòng/khoa liên quan (TP Đào tạo, Tài chính, Nhân sự, CNTT, Trưởng các khoa)		2					
2.3	Ban giám hiệu	1 Trường Trung cấp	1					
	Lãnh đạo phòng/khoa liên quan (TP Đào tạo, Tài chính, Nhân sự, CNTT, Trưởng các khoa)		2					
2.4	Ban giám hiệu	1 Trung tâm GDNN	1					
	Lãnh đạo phòng/khoa liên quan (TP Đào tạo, Tài chính, Nhân sự, CNTT, Trưởng các khoa)		2					
2.5	Lãnh đạo Doanh nghiệp	2 Doanh nghiệp (đối tác của trường CĐ)	2					
	Cán bộ phụ trách đào tạo trong DN		2					
3	Phiếu hỏi định lượng (phiếu online)		35	45		1161	Phân tích định tính và định lượng	18-29/10
3.1	Đại diện Lãnh đạo Tổng cục	Tổng cục GDNN	1	3	1	3		
3.2	Đại diện Lãnh đạo các Vụ/Viện		12	12	1	12		
3.3	Đại diện Chuyên viên các Vụ/Viện liên quan		12	12	1	12		
3.4	Đại diện Lãnh đạo Sở	Sở LĐTĐBXH	1	1	63	63		
3.5	Đại diện Lãnh đạo phòng Dạy nghề		1	1	63	63		
3.6	Đại diện Chuyên viên liên quan		1	1	63	63		

3.7	Đại diện Ban Giám hiệu	Cơ sở GDNN (Cao đẳng, Trung cấp, Trung tâm GDNN)	1	3	63	189		
3.8	Đại diện Lãnh đạo Phòng/Khoa/Bộ môn/Trung tâm		2	6	63	378		
3.9	Đại diện Nhà giáo/Chuyên viên liên quan		1	3	63	189		
3.10	Đại diện Ban Giám đốc	01 Doanh nghiệp (tham gia đào tạo)	1	1	63	63		
3.11	Đại diện Phòng/Trung tâm đào tạo		1	1	63	63		
3.12	Đại diện Cán bộ phụ trách đào tạo		1	1	63	63		
4	Họp tham vấn/Hội thảo		72	1	X	1	Phân tích định tính. Trao đổi về key findings, thu thập ý kiến góp ý để hoàn thiện báo cáo final	23/11
4.1	Lãnh đạo tổng cục	Tổng cục GDNN	3					
4.2	Đại diện các Cục/Vụ/Đơn vị thuộc Tổng cục đã tham gia phỏng vấn sâu		15					
4.3	Đại diện lãnh đạo, chuyên viên (của 10 tỉnh)	Sở LĐTĐBXH	16					
4.4	Đại diện BGH, Trưởng phòng/ban/khoa/bộ môn (của 10 tỉnh)	Cơ sở GDNN (Cao đẳng, Trung cấp, Trung tâm GDNN)	24					
4.5	Đại diện DN (của 10 tỉnh)	Doanh nghiệp	9					
4.6	Đại diện GIZ	GIZ	5					
5	Hội thảo: thống nhất nhận thức CDS			1		1		14/10/2021

Phụ lục 2: Kết quả phỏng vấn sâu cấp Trung ương

STT	CÂU HỎI	Đã được quy định trong những văn bản nào? (Luật, ND, TT, quy định, chính sách của tổ chức...)	Các vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện CĐR?	Đề xuất hướng sửa đổi những văn bản/quy định hiện hành?	Cần những quy định nào mới cho sự thay đổi để thực hiện CĐR? (Luật, ND, TT)
1	CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐÀO TẠO				
1.1	Chuẩn đầu ra	Từ 2017 khi xây dựng chuẩn đầu ra đã yêu cầu các ban chủ nhiệm đưa kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng xanh vào CĐR của tất cả các ngành nghề			
-	Năng lực số	Đề án 749 của CP: tối thiểu 20% nội dung CTĐT phải đào tạo trực tuyến	GDNN chọn nội dung nào để đào tạo trực tuyến		
-	Tần suất cập nhật CĐR	Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH quy định cập nhật 3 năm 1 lần	- Tần suất cập nhật CĐR phụ thuộc vào kinh phí của nhà nước có đủ để cập nhật không. - Tần suất cập nhật CĐR tối thiểu 3 năm đối với hình thức học truyền thống, nếu thực		

			hiện CDS nội dung thì có cần điều chỉnh không.		
1.2	Thời lượng thực hành		Không phải mô đun nào cũng thực hiện CDS được, 1 số mô đun có thể thực hiện CDS, 1 số mô đun phải thực hành tại cơ sở đào tạo, DN...		
1.3	Đào tạo theo niên chế	Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH		Đang sửa đổi TT09 để cụ thể hoá hơn các quy định liên quan đến CDS	
1.4	Đào tạo theo tín chỉ				
1.5	Đào tạo theo mô đun				
1.6	Quy định liên thông trong hệ thống GDNN		Công nhận khoá học mà người học đã tham gia và đánh giá kỹ năng nghề của người học như thế nào?		

1.7	Quy định liên thông GDNN lên bậc GDDH				
1.8	Liên kết với DN	Đã ban hành 1 chương trình đào tạo kỹ năng quản lý GDNN cho DN và 3 chương trình nghiệp vụ sư phạm cho người đào tạo trong DN để đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng	<ul style="list-style-type: none"> - Có cần chuẩn cho người đào tạo trong DN không? - Người tham gia đào tạo trong DN có được hưởng chính sách như nhà giáo hay không? Khi hướng dẫn đào tạo thêm cho người lao động thì có được trả thêm lương không? Và vị trí việc làm của họ có thay đổi không? 	Đang xây dựng thông tư quy định chuẩn chuyên môn đối với những người đào tạo tại DN.	
1.9	Mức độ tự chủ và trách nhiệm giải trình về CTĐT của nhà trường		Trường được tự chủ: nhưng có đủ nhân lực để làm không, có những việc muốn làm nhưng không có quy định.		Đang xây chuẩn của những người đứng đầu các cơ sở GDNN trong đó có đề cập đến vấn đề CDS
1.10	Danh mục ngành nghề CNTT				

1.11	CTĐT các nghề CNTT				
2	PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC				
2.1	Các phương pháp dạy và học mới phù hợp với CDS (học tập kết hợp và các phương pháp khác)	Thông tư 33/2018/TT-BLĐTBXH đã quy định rất rõ, chi tiết về đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, đã có hướng dẫn về CTĐT, giáo trình, giáo viên, tổ chức đánh giá, cấp bằng...			
2.2	Cá thể hoá đào tạo				
2.3	Kiểm tra, đánh giá trên môi trường số				
3	HẠ TẦNG, NỀN TẢNG VÀ HỌC LIỆU SỐ				
3.1	Hạ tầng số và nền tảng số				
-	Yêu cầu về hạ tầng công nghệ	Đang xây dựng và trình ban hành Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu cho các ngành nghề, định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo cho từng ngành nghề và tiêu chuẩn cơ	Những nội dung này đang đáp ứng cho yêu cầu của 1 lớp đào tạo tiêu chuẩn tức là lớp đào tạo theo kiểu truyền thống, trực tiếp	Chỉnh sửa cho phù hợp với bối cảnh số và đồng bộ với hệ thống pháp luật cho từng ngành nghề	Ban hành các quy chuẩn về phòng thực hành số, ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường

		sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm.			để cho phù hợp với bối cảnh đào tạo số
-	Yêu cầu về nền tảng dạy học và quản lý học tập (LMS)				
-	Yêu cầu về nền tảng quản trị				
-	Quản trị hạ tầng số và nền tảng số				
3.2	Học liệu số				
-	Sản xuất		Định mức thù lao cho GV và DN khi xây dựng học liệu số	Cần có quy định cụ thể	
-	Quyền sở hữu trí tuệ		Vấn đề bản quyền và SHTT khi xây dựng kho học liệu dùng chung		
-	Kiểm định chất lượng		Thẩm định giáo án điện tử thì thẩm định như thế nào?		
-	Sử dụng học liệu				

-	Chia sẻ học liệu		Chưa có quy định về cơ chế thu phí, phân chia lợi ích khi xây dựng 1 kênh riêng về chia sẻ học liệu		
4	NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC				
4.1	Người dạy				
-	Khung năng lực số	Chưa có quy định chuẩn đối với năng lực CNTT và truyền thông cho nhà giáo	Tiêu chuẩn của nhà giáo hiện nay đang chỉ cần chứng chỉ CNTT của Bộ Nội vụ ban hành, nhưng khi CDS thì năng lực cần cao hơn		Xây dựng chuẩn về năng lực CNTT và truyền thông cho nhà giáo dựa trên quy định về khung tham chiếu năng lực CNTT và truyền thông của nhà giáo của UNESCO
-	Trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia CDS			Đang trình để ban hành sửa đổi, bổ sung TT07/2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo, trong đó đã nêu rõ giờ giảng đối với nhà giáo thì giờ giảng trực tiếp, trực	

				tuyển hay kết hợp đều được ghi nhận và quy về 1 định mức chung để đảm bảo quyền lợi cho nhà giáo và để hướng dẫn cho các cơ sở GDNN thuận lợi trong việc triển khai trong bối cảnh thực tiễn hiện nay.	
-	Văn hoá dạy học trên môi trường số	Văn hoá ứng xử có thông tư từ 31/12/2019			
-	Sự phạm trên môi trường số			Đã trình để chuẩn bị ban hành thông tư về chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sự phạm trong đó có 1 nội dung đổi mới so với các chương trình hiện hành là có thêm mô đun về dạy học số, phương pháp dạy học và đánh giá số	
4.2	Người học				

-	Khung năng lực số			Tháng 11 sẽ ban hành Thông tư và xây dựng 1 đề án về kỹ năng hỗ trợ, trong đó có kỹ năng tự học, kỹ năng về số	
-	Trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia CDS				
-	Văn hoá học tập trên môi trường số		Mức độ quan tâm và giáo dục SV của các cơ sở GDNN và nhà giáo về nguy cơ xâm phạm đời tư, vấn đề an ninh mạng		
-	Phương pháp học trên môi trường số				
5	QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ				
5.1	Quản trị nhà trường trên môi trường số		Chưa thấy đề cập đến giai đoạn tuyển sinh vào CDS		
5.2	Chiến lược CDS		Vấn đề bất bình đẳng cần được quan tâm		

			Trong đề án CDS có thiết kế kinh phí để đầu tư nhưng không đầu tư tập trung mà nằm rải rác ở tất cả các cơ sở GDNN và tổng cục, mà theo quy định hiện nay sẽ là theo đầu tư công. Do đó, khi triển khai thực hiện sẽ gặp khó khăn nếu không đánh giá được cần đầu tư những cái gì, đầu tư như thế nào.		
5.3	Quản lý, quản trị nhà trường của cơ quan chủ quản trên môi trường số		<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nền tảng thống nhất trong toàn bộ hệ thống GDNN - Chưa có hành lang pháp lý để đảm bảo vận hành các phần mềm ứng dụng trong quản lý và vận hành. 		
5.4	Cơ sở dữ liệu GDNN	Chưa có văn bản quy định về hệ thống CSDL			

6	Thế chế và hành lang pháp lý	Thế chế pháp lý về CDS hiện nay có đầy đủ: từ luật CNTT, ứng dụng CNTT, chữ ký số...			Nghĩ tổng thể nhưng làm phải từng bước theo lộ trình
		Luật GDNN khi ban hành đã quy định GDNN mở, linh hoạt. Đây là 1 căn cứ để tiếp cận CDS.			

Phụ lục 3: Kết quả thảo luận nhóm cấp địa phương

STT	CÂU HỎI	Đã được quy định trong những văn bản nào? (Luật, ND, TT, quy định, chính sách của tổ chức...)	Các vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện CDS?	Đề xuất hướng sửa đổi những văn bản/quy định hiện hành?	Cần những quy định nào mới cho sự thay đổi để thực hiện CDS? (Luật, ND, TT)
1	CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐÀO TẠO				
1.1	Chuẩn đầu ra	Thông tư 56/2015/TT-BLĐTĐBXH Hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia			Xây dựng 1 khung mẫu chứ không giao cho các bộ ngành. Các cơ sở GDNN căn cứ vào khung trình độ quốc gia sẽ xây dựng CDR và CTĐT cho phù hợp
-	Năng lực số	Thông tư 11/2018/TT-BLĐTĐBXH Ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	Môn tin học chỉ là tin học văn phòng, chưa cung cấp các kỹ năng CDS và ứng dụng CNTT đáp ứng nhu cầu thực tế của DN (x2) SV chỉ cần có chứng chỉ tin học là được miễn môn trong khi có thể không đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng	Cần xây dựng lại chương trình chi tiết môn tin học theo hướng kỹ năng CNTT ví dụ như sử dụng công cụ online, email... Bỏ quy định này	

			Chương trình của môn tin học được ban hành cứng và các trường buộc phải tuân thủ. Nếu muốn bổ sung kiến thức thì phải bổ sung thêm mô đun mới.	Đề nghị bỏ CĐR và chương trình bắt buộc của môn tin học để các trường chủ động xây dựng CĐR với chương trình và thời lượng phù hợp cho từng khoa và khối ngành (x2)	
		Thông tư 12/2017TT-BLĐTĐ và các thông tư ban hành CĐR của các CTĐT	Trong quá trình CĐS, cần phải bổ sung một số môn học vào CTĐT để đáp ứng cho yêu cầu của CĐS. Tuy nhiên, nếu đặt nặng nội dung CĐS thì nội dung chuyên môn sẽ bị giảm		Cần có văn bản chỉ đạo cụ thể chỉ ra môn học nào phù hợp với từng ngành học
			Đã ban hành CĐR cho nhiều ngành nhưng lúc đó chưa tiếp cận CĐS, nên CĐR của 1 số ngành ban hành từ 2018 chưa có nội dung CĐS	Điều chỉnh những CĐR đã được ban hành	CTĐT cần được điều chỉnh cho phù hợp với CĐS như có thêm kiến thức về IoT, AI
-	Tần suất cập nhật CĐR		Theo quy định là 3 năm/1 lần nhưng trong nhu cầu thực tế,	- Các ngành nghề nằm trong nhóm ảnh hưởng nhiều nên cập nhật CĐR	

			đặc biệt thời đại CMCN 4.0 thay đổi liên tục.	liên tục, có thể ngắn hơn từ 1-2 năm - Ít nhất sau 2 khoá tốt nghiệp	
1.2	Thời lượng thực hành	Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	Theo quy định trong CTĐT thời lượng thực hành là 60%, trong đó 40% thời lượng phải thực hành tại DN	Quy định thời lượng TH tại DN cần linh hoạt hơn	
			Thời lượng thực hành 30% LT, 70% TH là phù hợp	- Cần thừa nhận kết quả học tập LT trên môi trường số - Thời gian thực hành chiếm 60-70%: cần xác định rõ ngành nghề nào, môn học nào xây dựng được trên môi trường số	
1.3	Đào tạo theo niên chế	Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo			
1.4	Đào tạo theo tín chỉ		Các văn bản quy định về đào tạo theo tín chỉ và mô đun còn đang ít và chưa cụ thể	Cần có văn bản quy định cụ thể hơn và kéo dài thời gian tích lũy tín chỉ, chỉ cần tích	

		niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp		lũy đủ tín chỉ thì sẽ được cấp chứng nhận hoàn thành	
			1 tín chỉ = tối thiểu 15h LT + 30h tự học hoặc tối thiểu 30h TH + 15h tự học hoặc 45h thực tập tại DN	- Cần có hướng dẫn đo lường giờ tự học, giờ thực tập qua mạng - Bỏ quy định số giờ tối thiểu mà đưa ra số giờ cụ thể	
1.5	Đào tạo theo mô đun		Hiện tại gộp 1 số tín chỉ vào thành 1 mô đun	Cần có hướng dẫn cụ thể	
1.6	Quy định liên thông trong hệ thống GDNN	Thông tư 27/2017/TT-BLĐTĐBXH Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp	Quy định chưa cụ thể, rõ ràng nên mỗi ngành, mỗi đơn vị lại có cách hiểu khác nhau		
			Do nhu cầu của DN cần lao động trong thời gian ngắn nên sẽ hướng đến xu thế đào tạo ngắn hạn.	Cần có quy định liên thông giữa đào tạo ngắn, trung và dài hạn	
			Nhà trường tự chủ trong đào tạo liên thông, nhưng khi trường Trung cấp tự ban hành		

			CTĐT, trường CĐ bổ sung thêm kiến thức còn thiếu của TC dẫn đến không có chuẩn cụ thể giữa CTĐT của các trường CĐ		
1.7	Quy định liên thông GDN lên bậc GDĐH	<ul style="list-style-type: none"> - QĐ18/2017/TTg-CP quy định liên thông giữa trình độ TC, trình độ CĐ với trình độ ĐH - Thông tư 29/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo - Thông tư 07/2017/TT-BGDĐT quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học (quy định liên thông đối với các ngành vừa làm vừa học) 	Mới chỉ công nhận về thời gian đào tạo, việc công nhận nội dung đào tạo, kiến thức, kỹ năng chưa rõ ràng	Phải có liên thông giữa Bộ GDĐT và Bộ LĐTBXH	

1.8	Liên kết với DN	<p>- Công văn 786/LĐTBXH-TCGDNN về việc Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp</p> <p>- Công văn 589/TCGDNN-ĐTCQ về việc đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở GDNN và DN</p> <p>- Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.</p>	<p>Chưa có văn bản nào cho phép DN được đặt trong nhà trường; chưa có quy định pháp lý về các bước phối hợp giữa nhà trường và DN</p>		<p>- Thành lập hội đồng tư vấn nghề có sự tham gia của DN</p> <p>- Công nhận kiến thức của những người được đào tạo tại DN: đánh giá và cấp chứng nhận</p>
			<p>Có sự chông chéo giữa các bộ chủ quản về xây dựng CTĐT, giáo trình, tiêu chuẩn và quản lý, quản trị giữa nhà trường và DN</p>		
			<p>Cán bộ đào tạo tại DN chưa được đào tạo các kỹ năng giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm (x5)</p>	<p>Quy định cán bộ đào tạo tại DN phải được đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (x2).</p>	<p>- Có quy định về chức danh cán bộ đào tạo tại DN trong hệ thống GV của GDNN</p> <p>- Có các khoá học trực tuyến và thi kết thúc để kiểm tra và cấp văn bằng chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm, (x2) hoặc có thể bỏ chuẩn này</p>

					- Hạ chuẩn về kỹ năng nghề vì cán bộ tại DN đã có tay nghề và đã phối hợp với nhà trường để đào tạo thực hành
			Chưa có hệ thống kết nối với DN mà chủ yếu qua email, zalo...		Tạo 1 trang web liên kết giữa DN và cơ sở đào tạo: cung cấp thông tin về cung – cầu nguồn nhân lực giữa DN và nhà trường (giống mô hình của New Zealand). Đồng Nai xin triển khai thí điểm
	Mục 5, điều 51 của Luật giáo dục nghề nghiệp 2014 có nêu "Các khoản chi cho hoạt động đào tạo nghề nghiệp của doanh nghiệp được trừ khi xác định thu	Không có văn bản hướng dẫn cụ thể của bộ tài chính về việc "chi phí đào tạo nghề nghiệp" bao gồm những chi phí gì nên hiện tại các doanh nghiệp	Bộ LĐTBXH và Bộ Tài chính cần cụ thể hóa điều này		

		nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật"	không chứng minh được các chi phí này		
		Bộ luật Lao động	SV hệ trung cấp khi ra trường chưa đủ 18 tuổi nên không ký kết được hợp đồng lao động		
1.9	Mức độ tự chủ và trách nhiệm giải trình về CTĐT của nhà trường	Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	Chuẩn đầu ra của các ngành nghề chưa ban hành hết, các trường tự chủ động xác định CĐR. Nhưng các môn chung thì Bộ LĐTBXH quy định do đó nhà trường gặp khó khăn khi muốn dạy theo định hướng nghề nghiệp của trường, xây dựng thành các môn STEM...		<ul style="list-style-type: none"> - Nên có bộ tiêu chí mang tính định hướng sau đó cho phép các trường được phép tự chủ để điều chỉnh cho phù hợp với cơ sở GDNN của mình - Chỉ xây dựng khung cứng khoảng 30% - Cần giao tự chủ cho các nhà trường hơn nữa trong mở ngành/ngành đào tạo - CTĐT sau khi ban hành xong thì có 1 bộ phận kiểm tra giám sát khung đã ban hành

1.1 0	Danh mục ngành nghề CNTT	Quyết định 1446/QĐ-TTg về 20 nghề “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.			Cần nghiên cứu thêm những CTĐT cho những nhóm ngành trong tình hình mới
		Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, cao đẳng			Nên xây dựng, ban hành danh mục, chương trình đào tạo theo ngành (gồm nhiều nghề gần nhau)
1.1 1	Chương trình đào tạo các nghề CNTT	Thông tư 44/2018/TT-BLĐTBXH Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ TC, trình độ CĐ cho các ngành, nghề thuộc lĩnh vực máy tính và CNTT	Quá cụ thể, chuyên sâu 1 lĩnh vực hẹp	Nên quy định theo ngành rộng	Bổ sung ngành có nhu cầu cao như năng lượng tái tạo, Mô phỏng hoá và xử lý hình ảnh

2	PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC				
2.1	<p>Các phương pháp dạy và học mới phù hợp với CDS (học tập kết hợp và các phương pháp khác)</p>	<p>Thông tư 33/2018/TT-BLĐTĐ Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn</p>	<p>Thông tư 33 quy định về đào tạo từ xa nên không phù hợp vì không có trường nào đào tạo từ xa với dạy nghề</p>	<p>CDS không chỉ là đào tạo trực tuyến, nhưng với kho học liệu số dùng chung nên có các quy định cởi mở cho phép các trường đào tạo trực tuyến linh hoạt với 1 tỷ lệ % nhất định</p>	<p>Nâng tính tự chủ cho các cơ sở GDNN: tăng tính đa dạng, linh hoạt giữa đào tạo online, offline, đào tạo hỗn hợp (x2)</p>
			<p>Hiện nay mới chỉ ứng dụng CNTT trong dạy online chứ chưa được đào tạo phương pháp giảng dạy theo CDS</p>		<p>Cần có hướng dẫn các phương pháp dạy học và phương pháp xây dựng học liệu bổ trợ như video, thực hành mô phỏng...</p>
2.2	<p>Cá thể hoá đào tạo</p>				

2.3	Kiểm tra, đánh giá trên môi trường số	<p>- Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp</p> <p>- Công văn 1301/LĐT BXH-TCGDNN V/v Hướng dẫn thực hiện quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trong đào tạo trực tuyến</p> <p>- Công văn 2036/TCGDNN-ĐTCQ 2021 tổ chức thi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng bằng hình thức trực tuyến</p>	<p>Cho kiểm tra đánh giá định kỳ và thường xuyên online, thi kết thúc trực tiếp hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến nhưng đảm bảo theo quy định hiện hành. Quy định hiện hành là Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH nhưng TT09 không có quy định về việc tổ chức kiểm tra, thi trực tuyến (x4), chưa quy định cụ thể về tính khách quan, trung thực, đảm bảo quyền lợi cho người học (x3)</p>	<p>Điều chỉnh Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH: bổ sung các quy định/hướng dẫn về tổ chức thi và công nhận kết quả thi trực tuyến (x4); quy định điều kiện tổ chức kiểm tra, thi trực tuyến (cơ sở hạ tầng, thiết bị, các điều kiện đảm bảo công bằng, khách quan, chống gian lận) cho từng ngành nghề cụ thể</p>	
3	HẠ TẦNG, NỀN TẢNG VÀ HỌC LIỆU SỐ				

3.1	Hạ tầng số và nền tảng số				
-	Yêu cầu về hạ tầng công nghệ		TC ban hành 1 loạt văn bản quy định định mức kỹ thuật, danh mục thiết bị tối thiểu: nhưng lại lạc hậu khá nhanh	Cần có cơ chế cho phép các trường cập nhật nhanh danh mục thay thế khi trường mua thiết bị máy móc mới	Hạn chế những quy định cứng để tăng tính linh hoạt và thích nghi của các cơ sở GDNN vì có những thay đổi sẽ không nhìn thấy trước
			Hạ tầng CNTT của các cơ sở GDNN lạc hậu và chưa đồng bộ theo 1 tiêu chuẩn		Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn tối thiểu, danh mục thiết bị tối thiểu về CDS (x4)
			Số hoá học liệu cần nhiều trang thiết bị, nhưng không trong danh mục đào tạo thì không được mua; cần mua nhanh để làm nhanh nhưng thời gian chờ đợi lâu	Điều chỉnh chính sách của Tổng cục liên quan đến Bộ tài chính và các chính sách khác	<ul style="list-style-type: none"> - Có chính sách hỗ trợ giá cước Internet, hỗ trợ học sinh, sinh viên mua máy tính, thiết bị nghe nhìn - Có chính sách để tăng lượng máy tính đủ cấu hình cho các trường, chi phí nâng cấp, duy tu bảo dưỡng - Tổng cục cần xây dựng hệ thống phòng thực hành

					ảo/mô hình dùng chung cho toàn quốc
-	Yêu cầu về nền tảng dạy học và quản lý học tập (LMS)		Nền tảng của trường chưa liên thông với các nền tảng khác		Có nền tảng chung thì sẽ liên thông dữ liệu với tổng cục
-	Yêu cầu về nền tảng quản trị				
-	Quản trị hạ tầng số và nền tảng số		Hệ thống LMS có đủ thông số, dữ liệu nhưng biểu mẫu quản lý không phù hợp với biểu mẫu quản lý, quản trị hiện hành		Nên tham khảo các hệ thống quốc tế, chuẩn mực thế giới
3.2	Học liệu số				
-	Sản xuất				<ul style="list-style-type: none"> - Cần có quy định về chỉ tiêu cán bộ, nên cho phép có cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, hỗ trợ kỹ thuật cho các hoạt động số (x2) - Ban hành các chương trình đào tạo nghiệp vụ sư

					phạm từ xa để nhân viên kỹ thuật có thể nâng cao kỹ năng để hướng dẫn sinh viên
-	Quyền sở hữu trí tuệ				- Cần có quy định về SHTT khi chia sẻ học liệu số (x5) - Khi đưa học liệu lên các nền tảng, website quốc tế như youtube hay facebook cần xem xét các quy định của luật quốc tế
-	Kiểm định chất lượng	- Thông tư 15/2017/TT-BLĐTĐBXH Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp - Công văn 454/TCGDNN-KĐCL Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường TC, CĐ	CĐS nhưng khi kiểm định phải in toàn bộ ra giấy		Cần có quy định về kiểm định chất lượng học liệu số (x2)
			Quy định thư viện, giáo trình là bản in truyền thống	Thay thế bằng thư viện số	

-	Sử dụng học liệu				
-	Chia sẻ học liệu	Chưa có quy định			<ul style="list-style-type: none"> - Cần có kho học liệu chung để dùng trong giảng dạy (x2) - Tổng cục là đầu mối xây dựng kho học liệu dùng chung bằng kinh phí của nhà nước và chia sẻ rộng rãi (x2) - Cần có cơ chế khuyến khích sự chia sẻ của GV, các cơ sở GDNN, DN (x4) - Cần có cơ chế để huy động dữ liệu người dùng
4	NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC				
4.1	Người dạy				
-	Khung năng lực số	Thông tư 08/2017/TT-BLDTBXH về quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN	<p>GV phải có trình độ tin học và trình độ ngoại ngữ</p> <p>Cho phép các trường tự xác định trình độ chuyên môn về tin học và ngoại ngữ theo vị trí việc</p>	Cần có định hướng, tiêu chí cơ bản về những yêu cầu về CDS nói chung cho trình độ chuyên môn và kỹ năng của GV (x3)	<ul style="list-style-type: none"> - Phải đào tạo cho GV kỹ năng xây dựng học liệu số, thầy cô cũng cần tự học MOOCs

			làm tuy nhiên các trường lúng túng khi phải tự xác định chuyên môn theo CDS: cần GV phải đạt năng lực gì để đảm bảo vị trí việc làm	Phải có quy định rõ ràng, không phải chỉ quy định mức độ A, B, C...	- Đào tạo trang bị năng lực CDS cho sinh viên còn đang ngồi trên ghế nhà trường để hình thành lớp giáo viên mới
-	Trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia CDS	Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Làm học liệu số mất thời gian	<ul style="list-style-type: none"> - GV có nghĩa vụ tự cập nhật kiến thức, kỹ năng để CDS - Cần có cơ chế khuyến khích, công nhận, danh hiệu cho GV làm học liệu số (x5) - Quy định linh hoạt số giờ giảng tối thiểu 1 năm - Cần có quy định hướng dẫn về quy đổi giờ dạy trực tuyến và giờ dạy trực tiếp; quy định về số giờ lên lớp trong đào tạo trực tuyến (x2) 	Đang thí điểm: Giao cho mỗi khoa làm học liệu số cho 10 bài giảng, được công nhận tương tự 1 đề tài khoa học cấp trường có hỗ trợ kinh phí, có tính số liệu công bố khoa học, có hội đồng đánh giá

-	Văn hoá dạy học trên môi trường số				
-	Sự phạm trên môi trường số				Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ LĐTBXH thống nhất sử dụng 1 Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm
4.2	Người học				
-	Khung năng lực số				
-	Trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia CDS		Quản lý người học khi học trực tuyến		
-	Văn hoá học tập trên môi trường số		Học sinh sẽ bị hạn chế việc giao tiếp trực tiếp trước đám đông với nhiều bạn bè, giáo viên, về lâu dài sẽ dẫn đến việc ức chế, thụ động		Sử dụng Khung văn hóa ứng xử trên mạng xã hội do Bộ Thông tin Truyền Thông ban hành.
-	Phương pháp học trên môi trường số				
5	QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ				

5.1	Quản trị nhà trường trên môi trường số				<ul style="list-style-type: none"> - Cần có quy định về chữ ký số (x2), lưu trữ hồ sơ người học, chứng từ kế toán, sổ sách hoạt động đào tạo... trên môi trường số (x3) và cần được thống nhất trên toàn quốc, được công nhận và lưu trữ trên kho dữ liệu chung của hệ thống quản trị hạ tầng CNTT -Thành lập ban quản trị riêng về hạ tầng mạng và trang thiết bị CNTT
5.2	Chiến lược CĐS		Chưa ban hành các văn bản cụ thể về CĐS và đào tạo trực tuyến	Cần có văn bản chỉ đạo xuống bắt buộc các trường phải thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi số của ngành nên gắn với CĐS của địa phương - Chiến lược CĐS chung phải xây dựng sớm, có lộ trình, mục tiêu, nguồn lực con người, trang thiết bị, hạ tầng... Mỗi cơ sở GDNN

					<p>căn cứ vào đó xây dựng chiến lược CDS của trường để triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống</p> <p>- Cần xây dựng 1 danh mục chung cho tất cả từ nền tảng CDS, cơ sở vật chất và các hạng mục khác... để đánh giá xem cơ sở GDNN đang ở mức độ nào của CDS và là hướng dẫn cho các trường để biết định hướng sẽ làm gì để hoà chung vào công cuộc CDS; xây dựng 1 bộ KPI về CDS cho các trường tự đo lường mức độ CDS của mình, đánh giá chung về toàn ngành</p>
5.3	Quản lý, quản trị nhà trường của				

	cơ quan chủ quản trên môi trường số				
-	Lưu trữ hồ sơ, sổ sách	Thông tư 23/2018/TT-BLĐTĐBXH Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	Tổng cục ban hành nhiều loại hồ sơ sổ sách và khó quản lý (x2)	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh thông tư 23: khi lưu hồ sơ sổ sách trên môi trường số rồi thì không cho phép chỉnh sửa thông tin để tạo sự tin tưởng - Bỏ Sổ đăng ký học sinh, thay bằng Bảng điểm tổng hợp - Bỏ giáo án giấy, thay bằng bài giảng điện tử; - Các hồ sơ khác chuyển hẳn sang hồ sơ điện tử. 	Cần có văn bản pháp lý hướng dẫn việc số hoá hồ sơ sổ sách giấy tờ (x2)
			Triển khai nhiều hệ thống như quản lý văn bằng, quản lý tuyển sinh của TCGDNN nhưng chưa có sự thống nhất giữa các hệ thống từ trung ương tới địa phương (x7)		Cần liên thông giữa các phần mềm và thống nhất biểu mẫu (x4)

-	Kiểm định chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH về hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư 15/2017/TT-BLĐTĐBXH về tiêu chí tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN; - Công văn 454/TCGDNN-KĐCL hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông tư đều có điều khoản về chuyển đổi số và khuyến khích chuyển đổi số. Tuy nhiên, văn bản hướng dẫn kiểm định chương trình thì vẫn yêu cầu “nguồn minh chứng là văn bản”. - Kiểm định không công nhận các ứng dụng CNTT 	Cụ thể hóa quy trình và điều chỉnh yêu cầu minh chứng sử dụng cho kiểm định ngoài. Cần bổ sung điều khoản về minh chứng kiểm định số (không cần phải in ra giấy các học liệu số, giáo trình số để phục vụ kiểm định) (x2)	Khi chuyển đổi số hoạt động đào tạo thì phải đồng bộ với chính sách kiểm định chất lượng đào tạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo, công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền do nhà nước quy định
5.4	Cơ sở dữ liệu GDNN		Bảo mật CSDL trong quá trình xây dựng, công bố, triển khai chưa được quy định cụ thể rõ ràng, đặc biệt là dữ liệu thông tin cá nhân		<ul style="list-style-type: none"> - Phải có cơ chế tài nguyên dùng chung - Khi xây dựng nền tảng dữ liệu chung của quốc gia cần có sự thống nhất từ trung ương tới địa phương và tích hợp giữa các bộ ngành (x2)

6	Thế chế và hành lang pháp lý		Hiện cơ sở hạ tầng, điều kiện vật chất các cơ sở giáo dục nghề nghiệp rất khác nhau, nghề đào tạo và đặc thù cũng đang ở những cấp độ phát triển rất khác nhau. Trình độ cán bộ cũng phân tầng và có cách biệt lớn		Ban hành những văn bản cụ thể, chính sách cần phù hợp với bối cảnh, đặc thù của từng nhóm cơ sở GDĐT (context aware adaptive policies)
			Nói chung các văn bản tương đối đầy đủ, nhưng để thích ứng với CDS thì chưa có văn bản chính thống, chưa có quy định cụ thể, thống nhất	Không ban hành thêm văn bản pháp lý, chỉ bổ sung, chỉnh sửa để làm rõ và hướng dẫn quá trình chuyển đổi số	Khi sửa đổi văn bản nên sửa luôn bản chính, đưa phần CDS vào như vậy sẽ thống nhất nội dung từ trên xuống dưới, không nên tách CDS riêng, truyền thống riêng
			Chi phí cho đầu tư hạ tầng trong đề án CDS chủ yếu đầu tư cho các trường thuộc cấp trung ương, còn các trường ở địa phương thì thuộc ngân sách địa phương	Cần phân bổ cho các trường thuộc các ngành trọng điểm trực thuộc địa phương	

			<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều văn bản hiện tại không phải văn bản pháp quy, chỉ là công văn hướng dẫn nên cần phải luật hoá. - Các nhà quản lý chỉ dựa trên hiểu biết, thói quen, cách thức cũ để ra văn bản. - Quy trình làm văn bản quy phạm pháp luật kéo dài, trong thời gian đó, tiến bộ khoa học kỹ thuật quá nhanh, văn bản có khi chưa xong dự thảo đã lỗi thời. 		<p>Chỉ nên xây dựng khung mang tính hướng dẫn hơn là quy định cụ thể, xây dựng quy chuẩn mang tính tham chiếu chứ không mang tính ép buộc để các địa phương, các cơ sở GD căn cứ vào bối cảnh thực tiễn rất riêng của từng CTĐT, loại hình đào tạo, đối tượng người học, điều kiện công nghệ, trang thiết bị của người học để quyết định việc dạy thế nào, số hoá thế nào.</p>
--	--	--	--	--	--

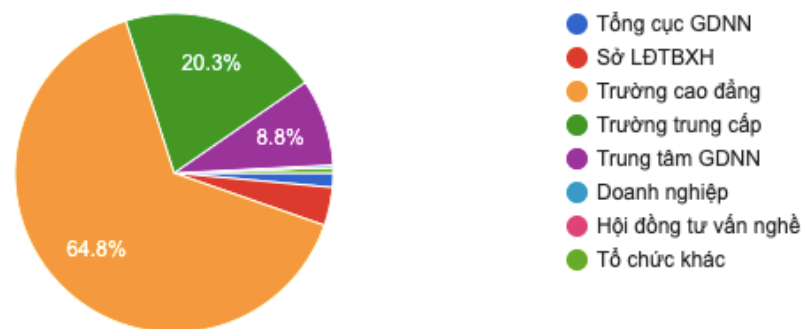
Phụ lục 4: Kết quả khảo sát online

I. Phạm vi khảo sát:

- 47/63 tỉnh, thành phố gửi câu trả lời
- Bao gồm: An Giang, Bắc Giang, Bắc Kạn, Bến Tre, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Cần Thơ, Cao Bằng, Đà Nẵng, Điện Biên, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hà Giang, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hậu Giang, Tp. Hồ Chí Minh, Hoà Bình, Khánh Hoà, Kiên Giang, Kon Tum, Lai Châu, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Lào Cai, Long An, Mỹ Tho, Nghệ An, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quy Nhơn, Sóc Trăng, Sơn La, Tây Ninh, Thái Nguyên, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Yên Bái

II. Đơn vị tham gia khảo sát:

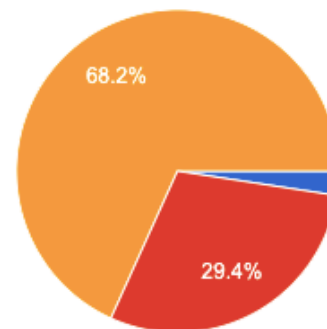
STT	Đơn vị	Số câu trả lời	Tỷ lệ %
1	Tổng cục GDNN	18	1.5%
2	Sở LĐTBXH	48	3.9%
3	Trường cao đẳng	803	64.8%
4	Trường trung cấp	252	20.3%
5	Trung tâm GDNN	109	8.8%
6	Doanh nghiệp	3	0.2%
7	Hội đồng tư vấn nghề	0	0%



8	Tổ chức khác	7	0.6%
	Tổng	1240	100%

III. Đối tượng tham gia khảo sát

STT	Đối tượng	Số câu trả lời	Tỷ lệ %
1	Lãnh đạo Tổng cục, Sở LĐT&XH, Ban giám hiệu, Doanh nghiệp	30	2.4%
2	Quản lý cấp Phòng/Khoa/Trung tâm/ Viện/Bộ môn...	364	29.4%
3	Cán bộ, chuyên viên, GV	846	68.2%
	Tổng	1240	100%



- Lãnh đạo Tổng cục, Sở LĐT&XH, Ban Giám hiệu, Doanh nghiệp
- Quản lý cấp Phòng/Khoa/Trung tâm/ Viện/Bộ môn....
- Cán bộ, chuyên viên

IV. Kết quả khảo sát:

STT	VẤN ĐỀ	Có những văn bản nào quy định cho vấn đề này?	Mức độ phù hợp của các văn bản này dưới góc độ chuyển đổi số (chấm điểm từ 1-5: 1 - rất không phù hợp; 5 - rất phù hợp)	Anh/Chị có đề xuất sửa đổi nội dung gì trong các văn bản/quy định hiện có; hoặc xây dựng những văn bản/quy định mới để phù hợp với chuyển đổi số?																		
1	<p>CHUẨN ĐẦU RA VỀ NĂNG LỰC SỐ</p> <p>Năng lực số là khả năng sử dụng và làm chủ các công cụ và nền tảng số phục vụ cho công việc và học tập suốt đời</p>	<p>Chỉ thị 24/CT-TTg</p> <p>Công văn 345/TCGDNN-ĐTCQ</p> <p>Luật An ninh mạng 2018</p> <p>Luật công nghệ thông tin 2006</p> <p>Luật Giáo dục 2019</p> <p>Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014</p> <p>Nghị quyết 52-NQ/TW</p> <p>Quyết định 1982/2016/QĐ-TTg</p> <p>Quyết định 749/2020/QĐ-TTg</p> <p>Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT</p> <p>Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH</p> <p>Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH</p> <p>Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH</p> <p>Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH</p> <p>Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p>	<table border="1"> <caption>Distribution of responses for suitability of existing documents</caption> <thead> <tr> <th>Mức độ phù hợp</th> <th>Số lượng</th> <th>Tỷ lệ (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>25</td> <td>2.3%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>61</td> <td>6.6%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>283</td> <td>25.8%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>366</td> <td>33.4%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>362</td> <td>33.9%</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ phù hợp	Số lượng	Tỷ lệ (%)	1	25	2.3%	2	61	6.6%	3	283	25.8%	4	366	33.4%	5	362	33.9%	<ul style="list-style-type: none"> - Đề án chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, tại điểm 2.5, Mục II, Phần II. Quản lý và quản trị: bổ sung thêm: “Hình thành cơ chế phân tích và khai thác dữ liệu về việc làm, dữ liệu về đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp giúp chính phủ, ngành và các cơ sở GDNN dự báo nguồn nhân lực, quy hoạch mạng lưới đào tạo, định hướng ngành nghề và quy mô đào tạo...”. - Quan tâm đầu tư nhiều hơn cho hạ tầng và con người (x2) - Cần có kho dữ liệu số lớn về mọi mặt, từ đó mới dễ dàng khai thác, quản lý và sử dụng - Xây dựng văn bản mới về nội dung chuẩn đầu ra cho năng lực số để phù hợp với chuyển đổi số và có hướng dẫn triển khai cụ thể phù hợp với từng nhóm ngành đào tạo (x17) - Đề nghị xây dựng hệ thống CDR thống nhất trong toàn quốc về CDS - Chuyển đổi số phải phù hợp với năng lực người sử dụng và có tiêu chí cụ thể để đánh giá năng lực số (x4) - Năng lực số cần được cập nhật, bổ sung thường xuyên theo hướng phát triển công nghệ số và việc ứng dụng công nghệ số trong thực tế công việc; các đơn vị năng lực cơ bản (trong đó có năng lực số) trong các Bộ Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cần được xây dựng, thẩm định và công bố riêng rẽ để thống nhất sử dụng chung cho các nghề và tạo thuận lợi hơn cho việc cập nhật, bổ sung theo yêu cầu của thị trường lao động (x4) - Triển khai các văn bản quy định về năng lực số (nếu có) một cách rộng rãi đến các cấp - Lấy ý kiến các chuyên gia để sửa đổi cho phù hợp, chi phí thấp và đáp ứng đúng đối tượng - Xây dựng các chỉ tiêu cụ thể để phù hợp các đặc thù của từng địa phương và điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở GDNN (x5) - Các văn bản cần ngắn gọn, rõ ràng hơn, không chồng chéo, mâu thuẫn nhau (x8) - Các bộ ngành cần có hướng dẫn để thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của từng lĩnh vực (x2) - Các văn bản hướng dẫn chi tiết thống nhất chỉ sử dụng của cấp trung ương, các cấp dưới không ban hành thêm các văn bản hướng dẫn. - Cần sửa đổi một số nội dung của các thông tư cho phù hợp với CDS
Mức độ phù hợp	Số lượng	Tỷ lệ (%)																				
1	25	2.3%																				
2	61	6.6%																				
3	283	25.8%																				
4	366	33.4%																				
5	362	33.9%																				

		<p>Thông tư 20/2019/TT-BLĐTBXH</p> <p>Thông tư 33/2018/TT-BLĐTBXH</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi số phải chuyển đổi từ nhận thức, đồng thời phát triển cơ sở hạ tầng; hoàn thiện cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý; đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực của ngành trong thực hiện chuyển đổi số - Cần mở lớp tập huấn về chuyển đổi số và tham quan học tập một số đơn vị đã thực hiện tốt - Cần quy định về 1 chương trình mà trước đó có nhiều chương trình đã được đưa ra thực hiện thử nghiệm cấp độ mô đun hóa
--	--	---	--	---

<p style="text-align: center;">2</p>	<p style="text-align: center;">TÍCH LŨY VÀ CÔNG NHẬN TÍN CHỈ</p> <p>- Công nhận các khoá học/bài học trên các nền tảng học online (ví dụ: coursera,...) - Phục vụ liên thông giữa các chương trình và các cấp đào tạo</p>	<p>Chỉ thị 24/CT-TTg Công văn 1301/BLĐTBXH Công văn 345/TCGDNN-ĐTCQ Luật Giáo dục 2019 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 Nghị quyết 52-NQ/TW Quyết định 1982/2016/QĐ-TTg Quyết định 749/2020/QĐ-TTg Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT Thông tư 23/2018/TT-BLĐTBXH Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH</p>	<table border="1"> <caption>1,067 responses</caption> <thead> <tr> <th>Category</th> <th>Count</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>24</td> <td>2.2%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>55</td> <td>5.2%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>282</td> <td>26.4%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>389</td> <td>36.5%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>317</td> <td>29.7%</td> </tr> </tbody> </table>	Category	Count	Percentage	1	24	2.2%	2	55	5.2%	3	282	26.4%	4	389	36.5%	5	317	29.7%	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có qui định cụ thể từng lĩnh vực trong chuyển đổi số - Nên quy định thời lượng nhất định phải thực hiện học tập online, có nội dung để đánh giá kỹ năng thực hiện đào tạo online... - Xây dựng những văn bản/quy định mới, cụ thể và hướng dẫn rõ ràng về phương thức đào tạo tích lũy mô đun, tín chỉ để phù hợp với CDS (x16) - Xây dựng các văn bản qui định cụ thể các học phần học online như: lý thuyết học thế nào; thực hành học thế nào; kiểm tra như thế nào; thi hết môn như thế nào - Có thể quy định rõ các môn có thể học online - Nên bổ sung các quy định cụ thể hơn để thực hiện việc cá thể hóa đào tạo - Trang bị cơ sở vật chất để hiện thực hóa chuyển đổi số - Quy định thêm các hình thức đào tạo trực tuyến thích ứng với dịch bệnh - Các văn bản hàng năm được kiểm tra, rà soát để cập nhật sao cho phù hợp với tình hình thực tế (x2) - Việc đánh giá điểm cần quy định và chuẩn rõ ràng, giảm thiểu gian lận thi cử ở người học - Chính sửa, bổ sung phù hợp hơn với thực tế của Luật Giáo dục 2019 - Cần xây dựng văn bản/quy định mới, cụ thể và hướng dẫn rõ ràng về công nhận tín chỉ, tích lũy mô đun trong đào tạo trên nền tảng học online, kiểm tra, đánh giá, thi trực tuyến (x20) - Cần triển khai hướng dẫn từ cơ quan QLNN một cách cụ thể. - Đề nghị hợp nhất ban hành thành Thông tư quy định cụ thể để các cơ sở GDNN thực hiện - Phù hợp với thực tiễn công việc hơn - Cần có những văn bản/hướng dẫn cụ thể hóa những nội dung liên quan đến đào tạo trực tuyến như: hướng dẫn sử dụng cho giáo viên và HSSV; tập huấn sử dụng chương trình, cách thức thực hiện đào tạo - Đưa thêm các hình thức xác định danh tính như sinh trắc học... vào việc đảm bảo tính chính xác trong việc đánh giá kết quả học tập khi học trên các phần mềm online, khi đó cấp chứng nhận cho các khóa học online mới hiệu quả - Thời gian nhận kinh phí hỗ trợ ngắn
Category	Count	Percentage																				
1	24	2.2%																				
2	55	5.2%																				
3	282	26.4%																				
4	389	36.5%																				
5	317	29.7%																				

		Thông tư 33/2018/TT-BLĐTĐBXH																				
3	<p>CẤP ĐỘ MÔ ĐUN HOÁ (CHƯƠNG TRÌNH, MÔN HỌC, BÀI GIẢNG...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính linh hoạt của chương trình đào tạo - Cá thể hoá việc học tập 	<p>Quyết định 1982/2016/QĐ-TTg Chỉ thị 24/CT-TTg Công văn 1301/BLĐTĐBXH Công văn 587/TCGDNN-ĐTCQ Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 Quyết định 1982/2016/QĐ-TTg Quyết định 749/2020/QĐ-TTg Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐBXH Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT Thông tư 12/2017/TT-BLĐTĐBXH Thông tư 12/2017/TT-BLĐTĐBXH</p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Level</th> <th>Count</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>22</td> <td>2.1%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>68</td> <td>6.5%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>282</td> <td>26.5%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>430</td> <td>40.4%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>261</td> <td>24.5%</td> </tr> </tbody> </table>	Level	Count	Percentage	1	22	2.1%	2	68	6.5%	3	282	26.5%	4	430	40.4%	5	261	24.5%	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng những văn bản/quy định mới để phù hợp với cấp độ mô đun hóa chuyển đổi số và có văn bản hướng dẫn chi tiết để triển khai cho từng trình độ (x22) - Quy định cụ thể hơn như thế nào là mô đun, môn học. Quy định cứng bao nhiêu tiết lý thuyết là 1 tín chỉ, bao nhiêu tiết thực hành là 1 tín chỉ. Quy định lại cụ thể môn tích hợp vì khi dạy tích hợp là lý thuyết và thực hành trong cùng một giờ giảng dạy nên không thể tách dạy hết tiết lý thuyết dạy riêng sau đó dạy thực hành. - Các quy định đã có đủ, tuy nhiên có thể cần cụ thể hơn, nhưng vẫn phải đảm bảo việc linh hoạt cho việc xây dựng các mô đun, tín chỉ trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc đào tạo, đánh giá trên môi trường số - Cần có văn bản mới quy định về chương trình, giáo trình phù hợp hơn với công tác chuyển đổi số: cụ thể như chương trình đào tạo các nghề sơ cấp cần quy định mã nghề cho tất cả các nghề; chương trình đào tạo trung cấp cần quy định một khung chung đơn vị nào cũng giống nhau - Tăng cường quy định dạy học trực tuyến - Chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh, cập nhật định kỳ để phù hợp với tình hình đào tạo thực tế (x3) - Có hướng dẫn về thi kết thúc học phần và thời gian ôn tập được báo trước để người học khỏi bỡ ngỡ - Chính sửa bổ sung cho phù hợp, tương thích với Luật giáo dục 2019 - Cần bổ sung quy định về cá nhân hóa việc học tập của người học trên nền tảng học online - Tăng cường kinh phí cho các đơn vị thực hiện - Ban hành thêm mẫu sổ lên lớp phù hợp với chương trình mô đun. - Ban hành sổ điểm điện tử - Cần có những quy định cụ thể về cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ với chương trình đào tạo - Bên cạnh các mô đun học online nên có một vài môn linh hoạt để học sinh có thể đến lớp - Cần phổ biến cụ thể các văn bản có liên quan đến chuyển đổi số đến các đơn vị - Chương trình giảng dạy cần chú trọng xây dựng các bài tập áp dụng hoặc bài tập thực hành cụ thể cho từng mô đun/môn học, bài giảng trực quan dễ hiểu, chính xác về kiến thức truyền đạt hơn là quá chú trọng về việc đánh giá giáo án hàn lâm phổ thông - Cần bổ sung về cách kiểm tra, đánh giá trực tuyến cụ thể cho từng hình thức thi (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, tiểu luận, ...) - Quy định số giờ trong 1 tín chỉ
Level	Count	Percentage																				
1	22	2.1%																				
2	68	6.5%																				
3	282	26.5%																				
4	430	40.4%																				
5	261	24.5%																				

		<p>Thông tư 15/2017/TT-BLĐT BXH</p> <p>Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p> <p>Thông tư 26/2020/TT-BLĐT BXH</p> <p>Thông tư 28/2017/TT-BLĐT BXH</p> <p>Thông tư 29/2017/TT-BLĐT BXH</p> <p>Thông tư 31/2017/TT-BLĐT BXH</p> <p>Thông tư 33/2018/TT-BLĐT BXH</p> <p>Thông tư 39/2017/TT-BTTTT</p> <p>Thông tư 42/2015/TT-BLĐT BXH</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Khi cần thiết cần bổ sung thêm hướng dẫn giảng dạy và thi online cho các môn thực hành nghề nghiệp - Cần cụ thể hóa cho từng ngành và từng lĩnh vực cụ thể - Tăng thêm số lượng tư vấn cho người có nhu cầu
--	--	---	--	---

<p style="text-align: center;">4</p>	<p style="text-align: center;">CÁ THỂ HOÁ VIỆC HỌC TẬP</p> <p>- Lựa chọn nội dung học tập theo nhu cầu và năng lực của người học trên các nền tảng số</p>	<p>Chỉ thị 24/CT-TTg Công văn 1301/BLĐTBXH Công văn 345/TCGDNN-ĐTCQ Công văn 587/TCGDNN-ĐTCQ Luật Giáo dục 2019 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 Quyết định 117/2017/QĐ-TTg Quyết định 749/2020/QĐ-TTg Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 04/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH</p>	<table border="1"> <caption>Data for Bar Chart: 997 responses</caption> <thead> <tr> <th>Rating</th> <th>Number of Responses</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>36</td> <td>3.6%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>67</td> <td>6.7%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>272</td> <td>27.3%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>329</td> <td>33%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>293</td> <td>29.4%</td> </tr> </tbody> </table>	Rating	Number of Responses	Percentage	1	36	3.6%	2	67	6.7%	3	272	27.3%	4	329	33%	5	293	29.4%	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định Khung kỹ năng số cho người học ở trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng - Cần có qui định cụ thể để thực hiện (4) - Có quy định đảm bảo về điều kiện cơ sở vật chất, chứng chỉ, chứng nhận cho nhà giáo tham gia đào tạo online - Lý thuyết phải có kết hợp với thực tế để bài giảng phong phú tạo đam mê cho người học - Xây dựng những văn bản/quy định mới để phù hợp với lựa chọn nội dung học tập theo nhu cầu và năng lực của người học trên các nền tảng CĐS (x17) - Cần văn bản quy định cụ thể với người học: phương pháp học; công cụ để học; thời gian học (có thể học tối vì học online thì không cần quy định cứng thời gian mà phụ thuộc vào đối tượng) - Có hướng dẫn cụ thể hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho người học tích lũy các mô đun, tín chỉ để có được các văn bằng/chứng chỉ theo nhu cầu - Triển khai các văn bản quy định về cá thể hóa việc học tập (nếu có) một cách rộng rãi đến các cấp - Bổ sung quy định dạy và học trực tuyến - Chương trình chi tiết môn học được rà soát, điều chỉnh, cập nhật định kỳ để phù hợp với tình hình đào tạo thực tế - Đề nghị có quy định ứng dụng chuyển đổi số vào cá thể hóa việc đào tạo; người học tự lựa chọn nội dung đào tạo, tùy biến hoạt động ngoại khóa, bổ trợ kỹ năng phù hợp - Chương trình chi tiết môn học được rà soát, điều chỉnh, cập nhật định kỳ để phù hợp với tình hình đào tạo thực tế - Cần linh hoạt hơn trong chỉ đạo thích ứng với bối cảnh dịch bệnh Covid19 (như Bộ GDĐT) - Cần xây dựng các văn bản quy định chung, cụ thể cho từng đối tượng đào tạo áp dụng trên phạm vi cả nước phù hợp với chuyển đổi số. - Đồng ý với phương án lựa chọn nội dung học tập phù hợp chuyên môn, nhưng vẫn phải khống chế số lượng môn học, cần có sự phân loại đầu là môn cơ sở, môn chuyên ngành, môn chung, số lượng môn để sinh viên có thể lựa chọn ở đầu khóa học. Sau khi lựa chọn xong thì sinh viên đó được xếp học ở trình độ nào sơ cấp, trung cấp, cao đẳng tùy vào số môn học mà sinh viên đó lựa chọn, sau khi chọn xong rồi thì không được chọn lại nữa - Rút ngắn thời gian thực hiện
Rating	Number of Responses	Percentage																				
1	36	3.6%																				
2	67	6.7%																				
3	272	27.3%																				
4	329	33%																				
5	293	29.4%																				

		Thông tư 29/2017/TT- BLĐTBXH Thông tư 31/2017/TT- BLĐTBXH Thông tư 33/2018/TT- BLĐTBXH Thông tư 42/2015/TT- BLĐTBXH		
--	--	--	--	--

5	<p>KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN</p>	<p>Chỉ thị 24/CT-TTg Công văn 1301/BLĐTBXH Công văn 345/TCGDNN-ĐTCQ Công văn 587/TCGDNN-ĐTCQ Luật Giáo dục 2019 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 Quyết định 749/2020/QĐ-TTg Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT Thông tư 23/2018/TT-BLĐTBXH Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 33/2018/TT-BLĐTBXH</p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Rating Level</th> <th>Number of Responses</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>38</td> <td>3.6%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>63</td> <td>6%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>264</td> <td>25.3%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>374</td> <td>35.9%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>303</td> <td>29.1%</td> </tr> </tbody> </table>	Rating Level	Number of Responses	Percentage	1	38	3.6%	2	63	6%	3	264	25.3%	4	374	35.9%	5	303	29.1%	<ul style="list-style-type: none"> - Sớm ban hành thông tư hướng dẫn cụ thể về triển khai thực hiện về kiểm tra, đánh giá trên môi trường số, đảm bảo chất lượng đào tạo (x9) - Có quy định rõ hình thức, cách thức đánh giá việc học tập trực tuyến - Xây dựng những văn bản/quy định mới về kiểm tra đánh giá để phù hợp với chuyển đổi số (x13) - Chính sửa văn bản và hướng dẫn chi tiết để phù hợp với quá trình chuyển đổi số - Cần văn bản quy định cụ thể phương pháp kiểm tra, thi trực tuyến; cách công nhận hoàn thành khóa học theo phương pháp trực tuyến (thuận lợi cho người học và giáo viên) - Sớm ban hành và triển khai văn bản quy định về dạy học trực tuyến - Quy định được rà soát, điều chỉnh, cập nhật hằng năm để phù hợp với tình hình đào tạo thực tế (x3) - Sửa đổi bổ sung Thông tư 33/2018/TT-BLĐTBXH về cấp bằng tốt nghiệp, việc kiểm tra, đánh giá và thi tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến và việc công nhận kết quả, cấp bằng tốt nghiệp như hình thức đào tạo chính quy - Cần có văn bản và tổ chức tập huấn - Đề nghị xây dựng phần mềm để thực hiện Kiểm tra, đánh giá trực tuyến - Cần xây dựng các văn bản quy định chung, cụ thể cho từng đối tượng đào tạo áp dụng trên phạm vi cả nước phù hợp với chuyển đổi số. - Khi tính bảo mật và sự giám sát khách quan của các buổi kiểm tra được thực hiện hiệu quả thì việc đánh giá của học sinh sẽ là các bài kiểm tra trên các phần mềm ứng dụng - Chưa có hướng dẫn đối với thi thực hành tay nghề với các khối giáo dục nghề nghiệp (online)
Rating Level	Number of Responses	Percentage																				
1	38	3.6%																				
2	63	6%																				
3	264	25.3%																				
4	374	35.9%																				
5	303	29.1%																				

6	CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC MỚI PHÙ HỢP VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ Học tập kết hợp và các phương pháp khác	Chỉ thị 24/2021/CT-TTg Chỉ thị 24/CT-TTg Công văn 1301/BLĐTBXH Công văn 2036/TCGDNN-ĐTCQ Công văn 587/TCGDNN-ĐTCQ Luật Giáo dục 2019 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 Nghị quyết 52-NQ/TW Quyết định 117/2017/QĐ-TTg Quyết định 749/2020/QĐ-TTg Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 31/2017/TT-BLĐTBXH	<table border="1"> <caption>1,014 responses</caption> <thead> <tr> <th>Rating</th> <th>Number of Responses</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>29</td> <td>2.9%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>61</td> <td>6%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>278</td> <td>27.4%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>352</td> <td>34.7%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>294</td> <td>29%</td> </tr> </tbody> </table>	Rating	Number of Responses	Percentage	1	29	2.9%	2	61	6%	3	278	27.4%	4	352	34.7%	5	294	29%	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành văn bản hướng dẫn chuyển đổi linh hoạt dạy học trực tuyến và dạy học trực tiếp (x3) - Cần xây dựng văn bản mới, cụ thể đối với các khu vực vùng sâu vùng xa số lượng trang thiết bị còn hạn chế - Giao bài thực hành nhiều hơn - Cần văn bản quy định thống nhất nền tảng dạy học online. Bộ nên xây dựng riêng nền tảng này để quản lý chung toàn quốc. Cần tập trung vào việc dễ sử dụng, có thể phổ thông hóa cho tất cả mọi đối tượng. - Đề nghị ban hành văn bản mới và hướng dẫn cụ thể về phương pháp dạy và học mới phù hợp với chuyển đổi số (x24) - Nên bổ sung mô đun Dạy học số trong chương trình bồi dưỡng giáo viên dạy sơ cấp, vì trình độ sơ cấp dạy online là phổ biến - Có cách hướng dẫn hoặc giải pháp khi kết nối mạng ngắt quãng - Cần bổ sung ban hành hướng dẫn mới linh hoạt với tình hình dịch bệnh Covid 19 - Cập nhật kịp thời hơn nữa - Giao quyền cho người đứng đầu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng quy chế đào tạo trực tuyến trong đó xác định rõ các nội dung cần phải thực hiện như tổ chức lớp học, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và chịu trách nhiệm về việc bảo đảm chất lượng đào tạo trực tuyến tại trường. - Kết hợp đến lớp 2 buổi một tuần, tham gia các hoạt động nhóm - Cần có những quy định và yêu cầu cụ thể trong việc bồi dưỡng và đào tạo giáo viên trong việc thay đổi các phương pháp mới
Rating	Number of Responses	Percentage																				
1	29	2.9%																				
2	61	6%																				
3	278	27.4%																				
4	352	34.7%																				
5	294	29%																				

		Thông tư 33/2018/TT-BLĐT BXH																				
7	<p>HẠ TẦNG SỐ VÀ NỀN TẢNG SỐ</p> <p>- Hạ tầng số: ví dụ: Hạ tầng công nghệ; Hạ tầng dữ liệu; Hạ tầng kỹ thuật...</p> <p>- Nền tảng số: ví dụ: Nền tảng dạy học và quản lý học tập (LMS); Nền tảng quản trị...</p>	<p>Chỉ thị 24/CT-TTg</p> <p>Công văn 1301/BLĐT BXH</p> <p>Công văn 1617/TCGDNN</p> <p>Công văn 2036/TCGDNN-ĐTCQ</p> <p>Công văn 345/TCGDNN-ĐTCQ</p> <p>Công văn 587/TCGDNN-ĐTCQ</p> <p>Luật công nghệ thông tin 2006</p> <p>Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014</p> <p>Luật Thương mại Điện tử</p> <p>Quyết định 749/2020/QĐ-TTg</p> <p>Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH</p> <p>Thông tư 08/2017/TT-BLĐT BXH</p> <p>Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT</p> <p>Thông tư 12/2017/TT-BLĐT BXH</p> <p>Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT</p> <p>Thông tư 27/2017/TT-BLĐT BXH</p> <p>Thông tư 28/2017/TT-BLĐT BXH</p>	<table border="1"> <caption>985 responses</caption> <thead> <tr> <th>Level</th> <th>Number of Responses</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>28</td> <td>2.8%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>71</td> <td>7.2%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>267</td> <td>27.1%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>347</td> <td>35.2%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>272</td> <td>27.6%</td> </tr> </tbody> </table>	Level	Number of Responses	Percentage	1	28	2.8%	2	71	7.2%	3	267	27.1%	4	347	35.2%	5	272	27.6%	<ul style="list-style-type: none"> - Cần quy định cụ thể hơn về hạ tầng: không chỉ là hệ thống mạng, cần cụ thể hệ thống phần cứng, hệ thống phần mềm ứng dụng (không phải cứ chuyển văn bản ghi tay thành word, excel, PowerPoint là thành chuyển đổi số) - Thống nhất 01 đến 02 văn bản quy định cho việc này - Xây dựng những văn bản/quy định mới về hạ tầng số để phù hợp với chuyển đổi số và có hướng dẫn cụ thể (x30) - Cần ban hành văn bản quy định về chuẩn hạ tầng số đáp ứng việc vận hành, khai thác tốt trên các nền tảng số trong đào tạo các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp (x4) - Cần triển khai các lớp bồi dưỡng CNTT cho nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý, bám sát nhu cầu ứng dụng trong công việc, đảm bảo chuẩn ứng dụng cơ bản, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin, kỹ năng khai thác sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin trong nhà trường và đẩy mạnh phương thức tập huấn qua mạng. - Cần có quy định cụ thể cho từng lĩnh vực và điều kiện thực tế của từng địa phương
Level	Number of Responses	Percentage																				
1	28	2.8%																				
2	71	7.2%																				
3	267	27.1%																				
4	347	35.2%																				
5	272	27.6%																				

		Thông tư 33/2018/TT-BLĐTĐBXH																				
8	HỌC LIỆU SỐ - Sản xuất học liệu số; - Quyền sở hữu trí tuệ đối với học liệu số; - Kiểm định chất lượng; - Sử dụng và chia sẻ học liệu số	Chỉ thị 24/CT-TTg Công văn 1301/BLĐTĐBXH Công văn 2036/TCGDNN-ĐTCQ Luật công nghệ thông tin 2006 Luật Giáo dục 2019 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 Luật Thư viện 2019 Nghị định 49/2018/NĐ-CP Nghị quyết 52-NQ/TW Quyết định 2175/QĐ-BVHTTDL Quyết định 749/2020/QĐ-TTg Quyết định 868/2010/BLĐTĐBXH Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT Thông tư 15/2017/TT-BLĐTĐBXH Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Rating</th> <th>Number of Responses</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>28</td> <td>2.8%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>61</td> <td>6.1%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>301</td> <td>30.1%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>324</td> <td>32.4%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>286</td> <td>28.6%</td> </tr> </tbody> </table>	Rating	Number of Responses	Percentage	1	28	2.8%	2	61	6.1%	3	301	30.1%	4	324	32.4%	5	286	28.6%	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư về học cụ chuyển đổi số đáp ứng với công nghệ - Xây dựng văn bản cụ thể về học liệu lý thuyết thế nào; thực hành thế nào; tích hợp thế nào và khi đưa lên môi trường mạng thì việc đảm bảo bản quyền như thế nào (cách đăng ký bản quyền làm sao tạo thuận lợi cho người dạy). Quy định cụ thể đối tượng kiểm định (cần điều kiện gì với người kiểm định). - Tăng cường các quy định về trực tuyến, ứng dụng phần mềm CNTT - Nên giao một tổ chức sản xuất giống sản xuất tài liệu giấy làm nguồn sử dụng chung - Cần xây dựng văn bản quy định hướng dẫn cụ thể về Sản xuất học liệu số; Quyền sở hữu trí tuệ đối với học liệu số; Kiểm định chất lượng; Sử dụng và chia sẻ học liệu số (x25) - Phải xây dựng kho dữ liệu để cán bộ, nhà giáo và học sinh, sinh viên tra cứu - Cần xây dựng và bổ sung nhiều học liệu số - Học liệu cần phong phú hơn và cập nhật nhanh hơn - Phụ huynh, người học cần trả phí cho chương trình học, trong đó có phần sở hữu trí tuệ - Nên đi thực tế, loại bỏ những thủ tục mang tính chất hình thức, tập trung vào những vấn đề mang tính cốt lõi trong việc kiểm định - Quy định cụ thể hơn cho từng ngành nghề - Tăng giá trị hỗ trợ
Rating	Number of Responses	Percentage																				
1	28	2.8%																				
2	61	6.1%																				
3	301	30.1%																				
4	324	32.4%																				
5	286	28.6%																				

		Thông tư 21/2017/TT-BGDĐT Thông tư 23/2018/TT- BLĐT BXH Thông tư 28/2017/TT- BLĐT BXH Thông tư 33/2018/TT- BLĐT BXH Văn bản 1810/TCGDNN-KĐCL Văn bản hợp nhất 1313/VBHN- BLĐT BXH		
--	--	--	--	--

<p>9</p>	<p>NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khung năng lực số - Trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia CDS; - Văn hoá dạy và học trên môi trường số 	<p>Chỉ thị 24/CT-TTg Công văn 1673/LĐTĐ-BHXH-TCGDNN Công văn 345/TCGDNN-ĐTĐCQ Công văn 587/TCGDNN-ĐTĐCQ Khung năng lực của Unesco về công nghệ thông tin và truyền thông đối với giáo viên. Phiên bản 3 năm 2018 Luật Giáo dục 2019 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 Nghị quyết 52-NQ/TW Quyết định 117/2017/QĐ-TTg Quyết định 1982/2016/QĐ-TTg Quyết định 749/2020/QĐ-TTg Thông tư 03/2014/TT-BTTTT Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT Thông tư 21/2017/TT-BGDĐT Thông tư 23/2018/TT-BLĐTBXH</p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Rating</th> <th>Count</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>38</td> <td>3.9%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>60</td> <td>6.1%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>273</td> <td>27.9%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>337</td> <td>34.4%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>271</td> <td>27.7%</td> </tr> </tbody> </table>	Rating	Count	Percentage	1	38	3.9%	2	60	6.1%	3	273	27.9%	4	337	34.4%	5	271	27.7%	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có quy định về thời gian tương tác giữa người dạy và người học - Xây dựng những văn bản/quy định mới để phù hợp với chuyển đổi số và có hướng dẫn cụ thể (x29) - Xây dựng văn bản quy định chuẩn kiến thức cần có với người tham gia giảng dạy. Tập huấn hoặc đào tạo miễn phí những người tham gia chuyển đổi. Quy định cách tham gia dạy và học; Tạo lớp quy về một chỗ (có thể phòng đào tạo) để quản lý; Tác phong, ngôn phong khi tham gia lớp học, trang phục. - Quá nhiều phần mềm chồng chéo mà không đồng bộ dữ liệu - Tăng cường ứng dụng CNTT - Các văn bản được cập nhật hàng năm để phù hợp với tình hình đào tạo thực tế (x3) - Người dạy cần phải được tập huấn - Thực hiện xây dựng khung năng lực số cho GV GDNN để tác động xây dựng chương trình đào tạo theo năng lực số và kỹ năng số; gắn trách nhiệm của tất cả các giảng viên, những người cần phải có kiến thức nhất quán và được phát triển tốt về mục đích, phạm vi và nội dung của chuyên môn, để đào tạo ra người học - người lao động có kỹ năng cần thiết và để hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả, an toàn và có đạo đức trong các môi trường đa dạng và ngày càng được hỗ trợ tương tác của công nghệ kỹ thuật số.... - Cần có những quy định về quyền lợi cụ thể, đánh giá chính xác dựa trên năng lực
Rating	Count	Percentage																				
1	38	3.9%																				
2	60	6.1%																				
3	273	27.9%																				
4	337	34.4%																				
5	271	27.7%																				

		Thông tư 27/2017/TT- BLĐTBXH Thông tư 28/2017/TT- BLĐTBXH Thông tư 33/2018/TT- BLĐTBXH		
--	--	---	--	--

<p>10</p>	<p>QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC - Công tác quản lý và quản trị của cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên môi trường số - Chiến lược chuyển đổi số - Cơ sở dữ liệu GDNN</p>	<p>Chỉ thị 24/CT-TTg Công văn 1301/BLĐTBXH Công văn 1617/TCGDNN Công văn 1673/LĐTBXH-TCGDNN Công văn 587/TCGDNN-ĐTCQ Luật Giáo dục 2019 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 Luật quản lý tài sản công Luật An ninh mạng Quyết định 749/2020/QĐ-TTg Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT Thông tư 21/2017/TT-BGDĐT Thông tư 23/2018/TT-BLĐTBXH</p>	<table border="1"> <caption>Data for Bar Chart</caption> <thead> <tr> <th>Category</th> <th>Count</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>32</td> <td>3.2%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>60</td> <td>6.1%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>292</td> <td>29.6%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>310</td> <td>31.4%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>292</td> <td>29.6%</td> </tr> </tbody> </table>	Category	Count	Percentage	1	32	3.2%	2	60	6.1%	3	292	29.6%	4	310	31.4%	5	292	29.6%	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng những văn bản/quy định mới để phù hợp với chuyển đổi số và có hướng dẫn cụ thể (x28) - Bộ nên xây dựng một nền tảng chung làm thân cây, các tỉnh là các cành chính, và các trường, trung tâm là nhánh. Các dữ liệu của tỉnh nào sẽ tập trung tại máy chủ của tỉnh đó. Các dữ liệu chung sẽ tập trung tại máy chủ của Bộ. Tạo thành một cây hoàn chỉnh thống nhất trên một nền tảng sẽ dễ quản lý trong công tác đào tạo và quyền sở hữu. - Có văn bản chỉ đạo thông suốt trong hệ thống GDNN - Các văn bản được cập nhật hàng năm để phù hợp với tình hình đào tạo thực tế (x2) - Quy định rõ công tác quản lý, quản trị, đặc biệt là vấn đề an ninh thông tin, hình ảnh, ... trong môi trường mạng - Tập huấn và có hệ thống quản trị cho các đơn vị - Cập nhật nhanh hơn - Vẫn cần người đồng hành hướng dẫn khi thực hiện khóa học, có thể là tư vấn viên, giáo viên - Có quy định cụ thể hơn cho từng ngành nghề - Tăng thời gian áp dụng - Có tính bảo mật cao
Category	Count	Percentage																				
1	32	3.2%																				
2	60	6.1%																				
3	292	29.6%																				
4	310	31.4%																				
5	292	29.6%																				

		Thông tư 32/2019/TT- BLĐTBXH		
		Thông tư 33/2018/TT- BLĐTBXH		

11	<p>DANH MỤC CÁC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CÁC NGÀNH ĐÓ</p> <p>Nội dung đào tạo có được cập nhật để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động</p>	<p>Chỉ thị 24/CT-TTg Công văn 587/TCGDNN-ĐTCQ Luật Giáo dục 2019 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 Quyết định 01/2017/QĐ-TTg Quyết định 117/2017/QĐ-TTg Quyết định 1232/2021/QĐ-TTg Quyết định 749/2020/QĐ-TTg Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 04/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 06/2019/TT-BLĐTBXH Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT Thông tư 20/2009/TT-BLĐTBXH</p>	<p>974 responses</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Rating</th> <th>Number of Responses</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>23</td> <td>2.4%</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>58</td> <td>6%</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>279</td> <td>28.6%</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>328</td> <td>33.7%</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>286</td> <td>29.4%</td> </tr> </tbody> </table>	Rating	Number of Responses	Percentage	1	23	2.4%	2	58	6%	3	279	28.6%	4	328	33.7%	5	286	29.4%	<ul style="list-style-type: none"> - Phải thực hiện đúng thời gian quy định - Xây dựng những văn bản/quy định mới để phù hợp với chuyển đổi số và có hướng dẫn triển khai cụ thể (x16) - Xây dựng văn bản tập huấn, đào tạo lập trình chuyên sâu các loại cho các giáo viên đang giảng dạy các nghề liên quan công nghệ thông tin để đẩy mạnh các nghề liên quan đến lập trình và cơ sở dữ liệu. - Quy định cần linh hoạt để các cơ sở GDNN chủ động được trong việc cập nhật CTĐT đáp ứng nhu cầu người học và thị trường lao động - Chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh, cập nhật theo định kỳ để phù hợp với tình hình đào tạo thực tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động (x3) - Đề nghị tiếp tục bổ sung danh mục ngành, nghề đào tạo công nghệ thông tin cho phù hợp với thực tiễn của khu vực và thế giới - Cần xây dựng văn bản/quy định các doanh nghiệp tham gia với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vào việc xây dựng chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động - Tăng cường tuyên truyền - Cập nhật nhanh hơn - Cần xây dựng các phần mềm để hỗ trợ các trường trong quản lý đồng thời để cơ quan chức năng dễ dàng giám sát, quản lý - Bổ sung khung năng lực số - Cần đi vào thực tế, xây dựng dựa trên nhu cầu và tính cấp thiết của thị trường lao động, đầu tư vào những kiến thức cốt lõi mà thị trường lao động cần. Loại bỏ hoặc giảm tải những kiến thức chỉ mang tính hình thức - Có chương trình chung thống nhất - Quy định cụ thể hơn cho từng ngành nghề
Rating	Number of Responses	Percentage																				
1	23	2.4%																				
2	58	6%																				
3	279	28.6%																				
4	328	33.7%																				
5	286	29.4%																				

	Thông tư 21/2017/TT-BGDĐT Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT Thông tư 25/2019/TT-BLĐTBXH Thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH Thông tư 44/2018/TT-BLĐTBXH Thông tư 45/2017/TT-BTTTT		
--	--	--	--

Phụ lục 5: Danh mục văn bản pháp luật

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên gọi của văn bản
I	LUẬT		
1.	51/2005/QH11	29/11/2005	Giao dịch điện tử
2.	67/2006/QH11	29/6/2006	Luật Công nghệ thông tin
3.	38/2013/QH13	16/11/2013	Luật Việc làm
4.	74/2014/QH13	27/11/2014	Luật Giáo dục nghề nghiệp
2.	15/2017/QH14	21/6/2017	Luật quản lý, sử dụng tài sản công

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên gọi của văn bản
5.	24/2018/QH14	12/6/2018	Luật An ninh mạng
6.	43/2019/QH14	14/6/2019	Luật Giáo dục
7.	45/2019/QH14	20/11/2019	Bộ luật Lao động
8.	46/2019/QH14	21/11/2019	Luật Thư viện
II	NGHỊ ĐỊNH/NGHỊ QUYẾT		
1.	143/2016/NĐ-CP	14/10/2016	Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (<i>sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 15/2019/NĐ-CP</i>)
2.	49/2018/NĐ-CP	30/3/2018	Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
3.	52-NQ/TW	27/9/2019	Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4
III	QUYẾT ĐỊNH		
1.	1982/2016/QĐ-TTg	18/10/2016	Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam
2.	01/2017/QĐ-TTg	17/01/2017	Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân
3.	117/2017/QĐ-TTg	25/01/2017	Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, NCKH góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025"
4.	18/2017/TTg-CP	31/5/2017	Quy định liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học
5.	749/2020/QĐ-TTg	03/6/2020	Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên gọi của văn bản
6.	206/QĐ-TTg	11/02/2021	Phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
7.	1232/2021/QĐ-TTg	15/7/2021	Phê duyệt Kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, giai đoạn 2021 - 2025
8.	868/2010/BLĐTBXH	16/07/2010	Ban hành Quy trình sản xuất, thẩm định và học liệu phim video cho các chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và chương trình dạy nghề dưới 3 tháng
9.	2175/QĐ-BVHTTDL	23/7/2021	Kế hoạch triển khai Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025
10.	1446/QĐ-TTg	30/8/2021	Về 20 nghề “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.
IV	CHỈ THỊ		
1.	24/CT-TTg	28/5/2020	Đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới
V	CÔNG VĂN/VĂN BẢN		
1.	Công văn 786/LĐTBXH-TCGDNN	02/03/2018	V/v gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp
2.	Công văn 589/TCGDNN-ĐTCQ	29/3/2018	V/v đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở GDNN và DN
3.	Công văn 454/TCGDNN-KĐCL	25/3/2019	Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên gọi của văn bản
4.	Công văn 345/TCGDNN-ĐTCQ	21/02/2020	V/v đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo trong bối cảnh dịch COVID-19
5.	Công văn 587/TCGDNN-ĐTCQ	17/3/2020	V/v hướng dẫn ứng dụng CNTT trong tổ chức đào tạo trước bối cảnh dịch COVID-19
6.	Công văn 1301/BLĐTBXH	14/4/2020	Hướng dẫn thực hiện quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trong đào tạo trực tuyến
7.	Công văn 1617/TCGDNN-ĐTCQ	21/7/2020	V/v triển khai phần mềm quản lý số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp, việc làm
8.	Công văn 2036/TCGDNN-ĐTCQ	16/9/2021	V/v tổ chức thi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng bằng hình thức trực tuyến
11.	Văn bản hợp nhất 1313/VBHN-BLĐTBXH	05/4/2019	Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
12.	Văn bản 1810/TCGDNN-KĐCL	17/8/2021	V/v tự đánh giá nhanh theo dự thảo tiêu chí, tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao
V	THÔNG TƯ		
1.	20/2009/TT-BLĐTBXH	29/11/2009	Quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề nhóm nghề Máy tính và công nghệ thông tin
2.	42/2015/TT-BLĐTBXH	20/10/2015	Quy định về đào tạo trình độ sơ cấp

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên gọi của văn bản
3.	56/2015/TT-BLĐTBXH	24/12/2015	Hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia
4.	03/2017/TT-BLĐTBXH	01/03/2017	Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
5.	04/2017/TT-BLĐTBXH	02/03/2017	Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
6.	06/2017/TT-BLĐTBXH	08/03/2017	Quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
7.	07/2017/TT-BLĐTBXH	10/03/2017	Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
8.	08/2017/TT-BLĐTBXH	10/03/2017	Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
9.	09/2017/TT-BLĐTBXH	13/03/2017	Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp
10.	10/2017/TT-BLĐTBXH	13/03/2017	Quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng
11.	12/2017/TT-BLĐTBXH	20/04/2017	Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
12.	14/2017/TT-BLĐTBXH	25/05/2017	Xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
13.	15/2017/TT-BLĐTBXH	08/06/2017	Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
14.	27/2017/TT-BLĐTBXH	21/9/2017	Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên gọi của văn bản
15.	28/2017/TT-BLĐTBXH	15/12/2017	Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
16.	29/2017/TT-BLĐTBXH	15/12/2017	Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo
17.	31/2017/TT-BLĐTBXH	28/12/2017	Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học
18.	03/2018/TT-BLĐTBXH	15/6/2018	Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp
19.	08/2018/TT-BLĐTBXH	14/8/2018	Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các nghề: Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Vận hành máy thi công nền; Vận hành cần, cầu trục; Kỹ thuật xây dựng; Bảo vệ thực vật; Chế biến và bảo quản thủy sản; Quản trị mạng máy tính; Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas
20.	11/2018/TT-BLĐTBXH	26/9/2018	Ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
21.	23/2018/TT-BLĐTBXH	06/12/2018	Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
22.	33/2018/TT-BLĐTBXH	26/12/2018	Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn
23.	44/2018/TT-BLĐTBXH	28/12/2018	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các ngành, nghề thuộc lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên gọi của văn bản
24.	06/2019/TT-BLĐTBXH	28/01/2019	Bổ sung ngành, nghề đào tạo vào Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
25.	20/2019/TT-BLĐTBXH	23/12/2019	Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kinh doanh, quản lý và pháp luật
26.	25/2019/TT-BLĐTBXH	24/12/2019	Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho một số nghề thuộc nhóm nghề điện, điện tử; công nghệ thông tin; xây dựng, kiến trúc và dịch vụ
27.	27/2019/TT-BLĐTBXH	25/12/2019	Ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, cao đẳng cho một số nghề thuộc nhóm nghề công nghệ, kỹ thuật
28.	31/2019/TT-BLĐTBXH	30/12/2019	Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp
29.	32/2019/TT-BLĐTBXH	30/12/2019	Quy định về tiêu chuẩn các cơ sở đào tạo, nghiên cứu được tổ chức bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp
30.	38/2019/TT-BLĐTBXH	30/12/2019	Hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp
31.	15/2020/TT-BLĐTBXH	28/12/2020	Ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 41 ngành, nghề

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên gọi của văn bản
32.	16/2020/TT-BLĐTBXH	28/12/2020	Ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 46 ngành, nghề
33.	20/2020/TT-BLĐTBXH	30/12/2020	Quy định cơ sở thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
34.	21/2020/TT-BLĐTBXH	30/12/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
35.	26/2020/TT-BLĐTBXH	30/12/2020	Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
36.	10/2021/TT-BLĐTBXH	10/9/2021	Ban hành 116 định mức kinh tế - kỹ thuật cho các ngành, nghề về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
37.	03/2014/TT-BTTTT	11/3/2014	Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
38.	39/2017/TT-BTTTT	15/12/2017	Ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước
39.	41/2017/TT-BTTTT	19/12/2017	Quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước.
40.	45/2017/TT-BTTTT	29/12/2017	Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành CNTT
41.	01/2019/TT-BNV	24/1/2019	Quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức.

TT	Số, ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Tên gọi của văn bản
42.	07/2015/TT-BGDĐT	16/4/2015	Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ
43.	10/2017/TT-BGDĐT	28/4/2017	Ban hành quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học
44.	21/2017/TT-BGDĐT	06/9/2017	Quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục
45.	24/2017/TT-BGDĐT	10/10/2017	Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học
46.	07/2017/TT-BGDĐT	15/3/2017	Quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học
47.	20/2018/TT-BGDĐT	22/8/2018	Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông
48.	08/2021/TT-BGDĐT	18/3/2021	Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học
49.	09/2021/TT-BGDĐT	30/3/2021	Quy định về quản lý và dạy học trực tuyến cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên
50.	17/2021/TT-BGDĐT	22/6/2021	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

Tài liệu Báo cáo hoạt động Rà soát Hành lang pháp lý gắn với Chuyển đổi số trong Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam được xây dựng và phát triển trong khuôn khổ Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) hỗ trợ bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) phối hợp Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp Việt Nam.